

2017

Báo Cáo Thường Niên



TARIC
CHẤT LƯỢNG & NIỀM TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO – TASCO JOINT STOCK COMPANY
ĐỊA CHỈ: 91 NGUYỄN CHÍ THANH – P. LÂNG HẠ - Q. ĐỐNG ĐA – HÀ NỘI – VN
WEBSITE: WWW.TARIC.COM.VN | WWW.TASCO.COM.VN
TEL: (84-4) 3773 8558 | FAX: (84-4) 3773 8559

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO:	2
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	3
CÁC SỰ KIỆN VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA CÔNG TY VÀ ÔNG PHẠM QUANG DŨNG – CHỦ TỊCH HĐQT4	
I. THÔNG TIN CHUNG:	5
1. Thông tin Khái quát:	5
2. Lịch Sử Hình Thành & Phát Triển:	5
3. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:	6
5. BAN LÃNH ĐẠO:	10
6. Định hướng phát triển:	15
II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018:	18
1. Tổng quan tình hình tài chính công ty:	18
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	20
3. Tình hình tài chính của Công ty:	20
4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:	21
5. Tổ chức và nhân sự	21
6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:	23
7. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	23
7.1. Tình hình tài chính các công ty con, công ty liên kết:	23
7.2. Các dự án đầu tư tiêu biểu:	31
8. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:	47
III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ:	48
1. Hội đồng quản trị Công ty:	48
2. Ban kiểm soát:	53
IV. Thông tin cổ phiếu, quan hệ cổ đông:	54
1. Cổ phần:	54
2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	55
3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ:	56
4. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ:	58
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	63



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO:

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với nền tảng năng lực về đầu tư xây dựng tích lũy trong gần 50 năm, giai đoạn 2016 – 2018 chứng kiến bước chuyển mình thay đổi của Tasco với kế hoạch vừa tiếp tục các dự án đầu tư vào hạ tầng giao thông, đẩy mạnh đầu tư bất động sản vừa mở rộng đầu tư sang lĩnh vực với kỳ vọng đem lại sự đột phá cho công ty trong tương lai. Song song với việc mở rộng, Tasco sẽ tái cấu trúc, sắp xếp lại các mảng kinh doanh truyền thống của mình nhằm khai thác hiệu quả hơn những dự án đã đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Kết quả doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch năm 2017 cho chúng tôi rút ra bài học về việc quản trị và điều hành để khắc phục tính không ổn định về doanh thu và lợi nhuận qua các năm trong kinh doanh bất động sản.

Do vậy, Chúng tôi đã và đang đầu tư mạnh mẽ vào con người, xây dựng một đội ngũ chuyên nghiệp cùng với đó là thực hiện hoàn thiện hệ thống quản trị để nâng cao năng suất lao động.

Chúng tôi cam kết tiếp tục cống hiến, hợp tác cùng khách hàng, Đối tác, Quý Cổ đông để thành công và khẳng định thương hiệu Việt bởi các sản phẩm công trình mang tầm vóc và chất lượng, đem lại giá trị to lớn trong công cuộc xây dựng một Việt Nam văn minh, hiện đại.

Kính chúc sức khỏe và hạnh phúc đến quý vị và gia đình.

Trân trọng./. 

Chủ tịch Hội đồng Quản trị 



Phạm Quang Dũng

Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi**Tâm Nhìn**

Tạo ra không gian cho con người sống, đam mê, sáng tạo và cống hiến.

Sứ Mệnh

Tasco mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị, hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên, phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

Giá Trị Cốt Lõi

- **Cam Kết:** Vì mục tiêu phát triển trường tồn không bao giờ được thỏa mãn, không bao giờ chịu lùi bước và làm mọi cách có thể vượt qua thách thức, vì lợi của Khách hàng, Cộng sự, Cổ đông, Cộng đồng địa phương và Môi trường.
- **Tôn trọng:** Tasco luôn đề cao các cá nhân và tính đa dạng, lắng nghe để hiểu mọi người, tiếp nhận mọi góp ý hành động với sự tôn trọng và tin tưởng.
- **Hợp tác:** Tinh thần hợp tác xuyên suốt trong mọi quan hệ của Tasco, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và tôn trọng cá tính, chia sẻ cơ hội để phát triển Nhóm, Đội, Cá nhân là phương pháp làm việc tốt nhất.
- **Sáng tạo:** Sáng tạo để khác biệt hóa sản phẩm là phương thức để tồn tại, vì vậy phải vượt qua thách thức để cải tiến không ngừng.
- **Học tập** Tạo dựng một tổ chức biết học hỏi, bằng việc không ngừng tự phê bình, xem lỗi làm là những cơ hội để học hỏi, thay vì khiền trách cá nhân.

Nguyên lý kinh doanh

- Xây dựng Tasco vì mục tiêu phát triển trường tồn là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt của các cấp lãnh đạo.
- Không có yếu tố cá nhân trong tổ chức.
- Luôn bảo vệ quyền lợi của Cổ đông trong dài hạn.
- Xây dựng các quy trình nghiệp vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Biết dừng lại mỗi khi trực trặc để giải quyết vấn đề đảm bảo rằng chất lượng được duy trì tốt ngay từ đầu.
- Đào tạo những nhà lãnh đạo, nhà quản lý là người hiểu thấu đáo công việc, sống cùng triết lý công ty và huấn luyện được cho cấp dưới.
- Xây dựng các cá nhân và tập thể xuất sắc về việc tuân thủ triết lý của công ty.
- Xây dựng mạng lưới đối tác và nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Giải quyết vấn đề tận gốc rễ bằng cách phải đích thân đi đến và xem xét hiện trường để hiểu tường tận tình hình (nguyên tắc tam hiện).
- Không ngừng học hỏi, không ngừng tự phê bình, không ngừng phát huy trí sáng tạo và cải tiến của mọi người.
- Quản trị thông tin để luôn thấu hiểu được tình hình kinh tế vĩ mô trong nước, các nước trong khu vực và thế giới để ra các quyết định đầu tư cho doanh nghiệp.
- Xây dựng đội ngũ làm việc có đẳng cấp là cách duy nhất để Tasco gặt hái được những thành công lớn lao.

CÁC SỰ KIỆN VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA CÔNG TY VÀ ÔNG PHẠM QUANG DŨNG – CHỦ TỊCH HĐQT

- Năm 1976 được tặng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng II
- Năm 1984 được tặng huy chương kháng chiến hạng Nhì
- Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen năm 2007
- Năm 2008 được tặng cúp Thánh Gióng doanh nhân tiêu biểu cả nước
- Năm 2011 và năm 2014 được bình chọn giải thưởng quốc tế Ernst & Young – Bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp Việt Nam
- Huân chương lao động hạng 3 vì những cống hiến cho sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc trong suốt quá trình công tác.



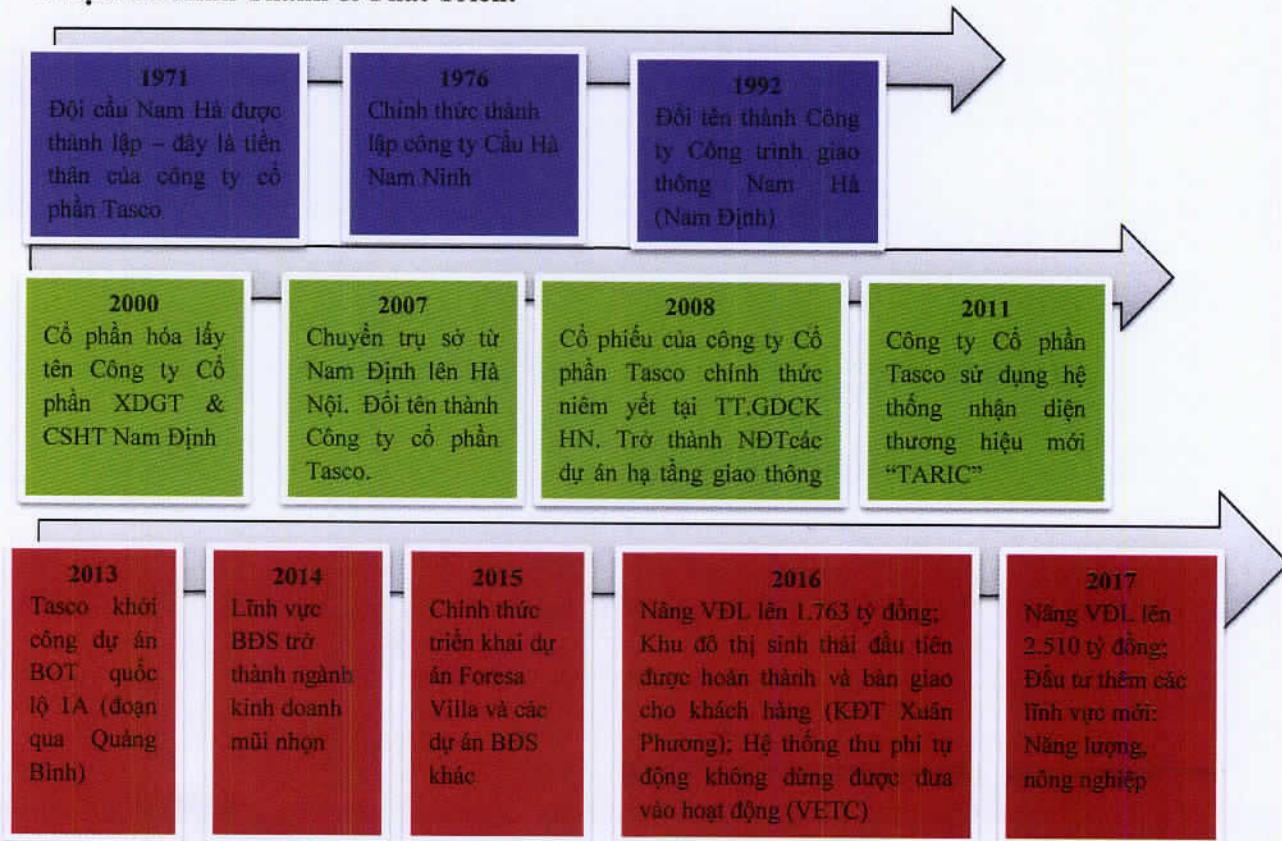
- Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam 2016 (Bảng xếp hạng theo chỉ số CSI 2016).
- Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất sàn HNX 2016.
- Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2006, 2007.
- Cup vàng Thương hiệu nổi tiếng vùng duyên hải miền đồng bằng Bắc Bộ năm 2007 của Hội đồng TW – Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.
- Cờ thi đua của Chính phủ năm 2008.
- Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao năm 2014.
- UBND thành phố Hà Nội tặng cờ thi đua Đơn vị xuất sắc năm 2010.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin Khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Tasco.
- Giấy chứng nhận đăng ký : 0600264117 (Số cũ: 0103021321) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 21 ngày 12 tháng 10 năm 2017.
- Vốn điều lệ : 2.510.589.130.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 2.510.589.130.000 đồng.
- Địa chỉ : Tầng 4, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Q.Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại : 04. 3773 8558
- Số fax : 04. 3773 8559
- Website : <http://www.taric.com.vn>
- Mã cổ phiếu : HUT.
- Ngành nghề kinh doanh : - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
 - Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), các công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
 - Kinh doanh khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Địa bàn kinh doanh : Trải dài từ Bắc vào Nam qua rất nhiều tỉnh thành phố.

2. Lịch Sử Hình Thành & Phát Triển:



3. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD): Là cơ quan quyền lực cao nhất, ra các quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiêm soát và các quyết định khác theo quy định pháp luật.

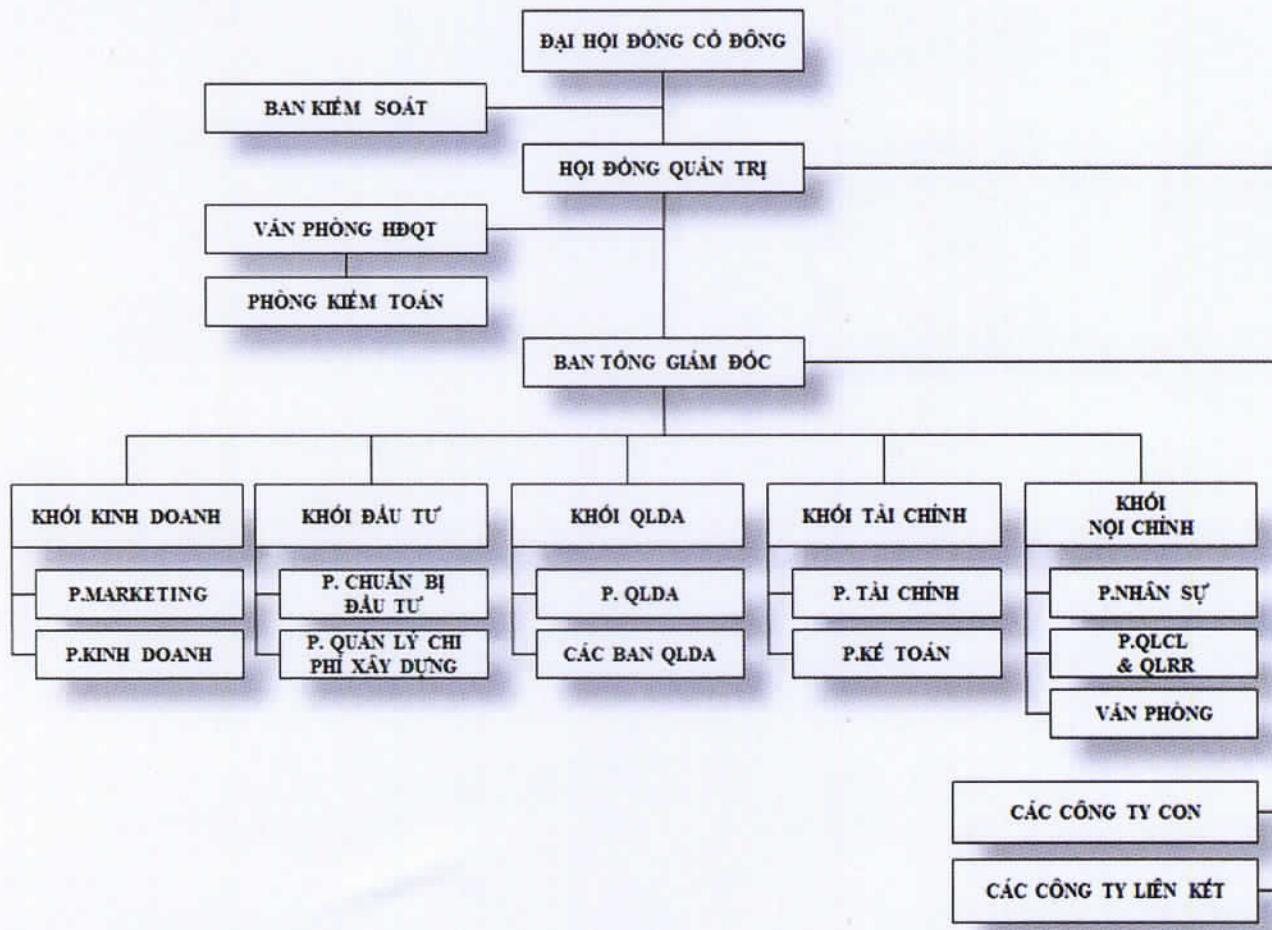
- Hội đồng Quản trị (HĐQT): Do ĐHĐCD bầu ra, là cơ quan quản trị cao nhất, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCD quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHĐCD.

- Ban Kiểm soát: Là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát do ĐHĐCD bầu ra và hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Bộ máy hoạt động: Bao gồm các khối kinh doanh, khối đầu tư, khối quản lý dự án, khối tài chính, khối nội chính, có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, hoạt động huy động và quản lý vốn, phát triển thương hiệu, các hoạt động nhân sự... bên cạnh đó tham mưu, đề xuất Ban Tổng giám đốc các định hướng phát triển, hoạt động của Công ty.

Sơ đồ tổ chức:



4. Các công ty con, công ty liên kết và các lĩnh vực hoạt động:

TT	Ngành nghề kinh doanh và doanh nghiệp thành viên đảm nhiệm	Dự án đảm nhiệm thực hiện hiện nay
Đầu tư bất động sản		
1	Công ty trực tiếp thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Foresa Villa (Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương) - Xuan Phuong Residence (Khu nhà ở VPTW Đặng, Bảo nhân dân) - South buiding (Tòa nhà chung cư Pháp Vân) - Foresa Mỹ Đình (dự án ĐVO 1) - Tòa nhà số 48 Trần Duy Hưng
2	Công ty Cổ phần BDS Thái An	Kinh doanh bất động sản
Đầu tư dự án hạ tầng giao thông		
1	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Dự án nâng cấp mở rộng QL1 Quảng Bình (BOT Quảng Bình)
2	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới đoạn từ Phủ Lý – thị trấn Mỹ Lộc (BT21)
3	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Dự án nâng cấp, mở rộng QL10 đoạn từ Quán Toan đến Cầu Nghìn Hải Phòng (BOT Hải Phòng)
4	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Dự án BT 39 và BOT 39 (Thái Bình)
5	Công ty TNHH MTV Tasco 6	BOT 10, BOT21, BOT Đông Hưng
6	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	BOT QL 32 Phú Thọ
Xây lắp/dịch vụ /bệnh viện/tư vấn, đào tạo/nông nghiệp/năng lượng		
1	Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Cung cấp dịch vụ xây lắp
2	Công ty cổ phần Tasco Thành Công	Cung cấp dịch vụ vận tải, khai thác, nguyên vật liệu xây dựng.
3	Công ty Cổ phần VETC Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Cung cấp dịch vụ thu phí, dịch vụ thu phí không dừng (ETC)
4	Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn Tasedu	Cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo
5	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản
6	Công ty TNHH T'Hospital	Cung cấp dịch vụ y tế, bệnh viện

7	Công ty Cổ phần Bệnh viện mắt Hà Nội cơ sở 2	Cung cấp dịch vụ y tế
8	Công ty Cổ phần bệnh viện Nắng Mai	Cung cấp dịch vụ y tế
9	Công ty TNHH An Nhiên Food	Cung cấp sản phẩm nông nghiệp
10	Công ty Cổ phần Tasco Năng lượng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện



BAN LÃNH ĐẠO

TASCO
CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

5. BAN LÃNH ĐẠO:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY:



**Ông Phạm Quang Dũng
Chủ tịch HĐQT**

Năm sinh : 1954
 Quê quán : Hải Hậu – Nam Định
 Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh
 Số cổ phần nắm giữ : 21.684.863 cổ phần (Tỷ lệ: 8,637%)
 Nếu ví Tasco là một con thuyền thì Chủ tịch Phạm Quang Dũng chính là người thuyền trưởng tài ba. Ông là người doanh nhân hồn hậu Tâm – Tâm – Tài, cùng sự đau đáu của khát vọng làm giàu từ những năm tháng tuổi trẻ và cả sự nung nấu của 15 năm công tác tại đơn vị Nhà nước. Bằng tài năng thiên bẩm, ý chí quật cường và tâm huyết mạnh mẽ, Ông đã vực dậy Công ty Cổ phần Tasco từ những khó khăn của thời gian còn là đơn vị thuộc quản lý nhà nước vươn mình thành một Tasco mạnh mẽ ngày nay.

Nghĩ đến Ông, người ta vừa thấy một lãnh đạo bình dị và mẫn cán, điềm đạm và kiên nghị, lại thấy cả vị thế của một Doanh nhân thời đại, cuồn cuộn nỗi niềm dựng nghiệp. Nhưng trên tất cả, đó là một trái tim nhân hậu, thuần khiết. Ông chỉ có một tâm nguyện đó là được giúp tất cả những ước mơ muôn khắng định trở thành hiện thực và đưa Tasco trở thành thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực Bất động sản.



**Bà Trần Thị Thanh Tân
Thành viên HĐQT**

Năm sinh : 1971
 Quê quán : Nam Định
 Trình độ chuyên môn : Tài chính – Đầu tư
 Số cổ phần nắm giữ : 3.466.628 cổ phần (Tỷ lệ: 1,381%)
 Hơn 20 năm công tác tại Công ty, với sự kiên trì bền bỉ và ước mơ mãnh liệt được vươn xa hơn cùng con thuyền Tasco, bà Tân đã từng bước thành công. Từ một chuyên viên kế toán, sau những năm tháng đồng sức vỗng lòng với Tasco, vinh danh đã chào đón với vị trí Phó Tổng giám đốc Tài chính rồi đến Ủy viên HĐQT.

Năm 2017, bà Tân tiếp tục khẳng định năng lực của mình khi giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH An Nhiên Foods. Với tấm lòng của một trái tim yêu Tasco, vì Tasco, bà luôn tâm niệm một điều: mong Tasco sẽ là một thương hiệu mang tầm thế kỷ và những cán bộ làm việc dưới mái nhà này sẽ trở thành những triệu phú của Đất nước.



Bà Trần Hải Yên
Thành viên HĐQT

Năm sinh : 1987
 Quê quán : Nam Định
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Số cổ phần nắm giữ : 2.080.000 cổ phần (Tỷ lệ: 0,828%)

Bà Trần Hải Yên có gần 10 năm hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, với bằng tốt nghiệp cử nhân Khoa Kinh Tế Quốc Tế Ngoại – Đại học Ngoại Thương Hà Nội và hiện đang là thạc sĩ Tài chính tại CFVG. Bằng các kinh nghiệm sâu rộng, bà Trần Hải Yên cùng đồng sự đang tập trung đưa Tasco theo đuổi một chiến lược tài chính vững mạnh và phát triển bền vững. Bà Trần Hải Yên cũng là gương mặt trẻ nhất trong HĐQT của Tasco và được kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều bứt phá mới cho công ty.



Bà Phạm Thị Chi
Thành viên HĐQT

Năm sinh : 1980
 Quê quán : Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định
 Trình độ chuyên môn : Luật
 Số cổ phần nắm giữ : 1.967.400 cổ phần (Tỷ lệ: 0,784%)

Tốt nghiệp Cử nhân Luật, bà Phạm Thị Chi đã trải qua nhiều năm kinh nghiệm làm chuyên viên pháp lý, giám đốc cho các tổ chức, cơ quan nhà nước, công ty lớn trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Tasco. Với năng lực, sự nhạy bén và nhiệt huyết, bà Phạm Thị Chi đã được Hội đồng quản trị công ty Tasco tin tưởng và bổ nhiệm làm Ủy viên HĐQT từ năm 2015. Bà Chi luôn tập trung chí hướng phấn đấu trở thành một thành viên ưu tú trong đội ngũ lãnh đạo thứ 2 của Tasco.

Tiếp tục đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty TNHH THospital, bà Chi đặt nhiều tâm huyết và kì vọng cùng với đội ngũ của mình đưa THospital là một trong những Công ty đi đầu trong việc đầu tư, xây dựng mô hình quản lý và điều phối chuỗi các bệnh viện theo tiêu chuẩn Quốc tế. Bà luôn quan niệm sự hài lòng của khách hàng chính là thước đo cho sự thành công của Công ty.



Ông Nguyễn Việt Tân
Thành viên HĐQT

Năm sinh : 1980
Quê quán : Nam Định
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu đường
Số cổ phần nắm giữ: 1.002.001 cổ phần (Tỷ lệ: 0,399%)
Ông Nguyễn Việt Tân tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành Xây dựng Đường bộ - Đại học Giao thông Vận Tải Hà Nội năm 2004 và sở hữu chứng chỉ Giám đốc điều hành chuyên nghiệp của Viện Công nghệ Châu Á tại Việt Nam (AIT-VN). Bắt đầu làm việc tại Tasco từ năm 2007, ông đã trải qua các vị trí lãnh đạo như: Trưởng phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Thư ký Ban Chiến lược của Hội Đồng Quản Trị, Giám đốc Công ty CP Tasco Nam Thái, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cầu 3 Thăng Long.

Năm 2017, ông vinh hạnh được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty Bất động sản Thái An - Đơn vị quản lý thực hiện đầu tư các dự án Bất động sản của Tasco và giữ chức vụ Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco - Đơn vị quản lý vận hành các dự án Bất động sản của Tasco. Với bề dày kinh nghiệm cũng như sự am hiểu văn hóa của Tasco, ông Tân được đánh giá là người dám nghĩ - dám làm, có nhiều đường lối phát triển mang tính đột phá, ông kỳ vọng sẽ đưa Bất động sản Thái An trở thành một trong những thương hiệu đi đầu mang đến cho khách hàng sản phẩm Bất động sản chất lượng với các dịch vụ và tiện ích vượt trội.

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

**Ông Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc**

Năm sinh : 1982
 Nguyên quán : Thái Bình
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kỹ thuật và Công nghệ chuyên ngành Xây dựng
 Số cổ phần nắm giữ : 54.435 cổ phần (Tỷ lệ: 0,022%)

Ông Nguyễn Văn Dũng đã có thời gian hơn 7 năm đào tạo ở nước ngoài, tốt nghiệp Thạc sĩ Kỹ thuật và Công nghệ chuyên ngành Xây dựng, thuộc Cơ quan giáo dục Đại học chuyên nghiệp Quốc gia, trường Đại học Xây dựng Quốc gia, thành phố Rostov Liên Bang Nga. Trở về Việt Nam, gia nhập và đồng hành cùng Tasco từ năm 2009, ông Dũng đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng như Giám đốc Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình, Giám đốc Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng.

Vượt qua bao khó khăn và thử thách của rất nhiều dự án ở vai trò Quản lý, Ông Dũng đã thể hiện xuất sắc tố chất lãnh đạo qua sự quyết liệt trong công việc, quản trị thành công trong các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm. Đến tháng 10/2017, trên cơ sở kết quả thi tuyển Tổng giám đốc, ông Dũng đã được HDQT tin tưởng, bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco. Với tinh thần ham học hỏi, thẳng thắn trong công việc, Tổng Giám đốc Nguyễn Văn Dũng đại diện cho sự trẻ hóa trong Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Tasco sẽ gắn kết, tạo động lực và sáng tạo để phát triển Công ty, xây dựng một văn hóa doanh nghiệp đầy sức trẻ và nhiệt huyết.



**Ông Nguyễn Dinh Siêu
Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh : 1970
 Nguyên quán : Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
 Số cổ phần nắm giữ : 223.776 cổ phần (Tỷ lệ: 0,089%)

Xuất phát điểm là tư vấn giám sát của chủ đầu tư Công ty LD Quốc tế Hồ Tây. Sau đó, với những nỗ lực của mình, ông trở thành Giám đốc Công ty CP Thương Mại Đầu tư tổng hợp và hợp tác Quốc tế GELEXIM – Chi nhánh Hà Nội.

Bắt đầu gia nhập công ty Tasco từ năm 2010 với vị trí chuyên viên Phòng quản lý dự án.

Với kiến thức, kinh nghiệm, năng lực và sự nhiệt huyết của mình, ông Siêu đã thuyết phục được ban lãnh đạo công ty tin tưởng và bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc phòng Quản lý dự án. Ông Siêu nắm giữ chức vụ Phó tổng giám đốc khối Quản lý dự án từ năm 2012 đến nay.



**Ông Trương Văn Thinh
Phó Tổng Giám Đốc**

Năm sinh : 1976
Quê quán : Thái Bình
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế Xây Dựng
Số cổ phần nắm giữ : 772.848 cổ phần (Tỷ lệ: 0,308%)

Giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc khối Kinh Doanh, ông Trương Văn Thinh là là một trong những lãnh đạo nhiều kinh nghiệm về thị trường đầu tư Hạ Tầng và Bất Động sản. Tốt nghiệp Đại học Xây dựng Hà Nội chuyên ngành Kinh tế xây dựng, ông Thinh đã “bén duyên” với Công ty Tasco từ năm 2007 và trở thành một trong những người có công lớn mang lại cho công ty nhiều thành công trong nhiều dự án đầu tư quy mô. Với tài năng, sự hiếu biết, hóm hỉnh của mình, ông Thinh tạo được uy tín với tất cả các đối tác của Công ty Tasco.



**Bà Trần Thị Thanh
Kế toán trưởng**

Năm sinh : 1984
Quê quán : Nam Định
Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính – Ngành KT
Số cổ phần nắm giữ : 178.653 cổ phần (Tỷ lệ: 0,071%)

Tốt nghiệp Học Viện Tài Chính, bà Trần Thị Thanh gia nhập TASCO với vị trí kế toán thanh toán; từ tháng 4/2008 – 06/2015 với vị trí kế toán tổng hợp; Sau 7 năm đồng hành cùng công ty, với kinh nghiệm, sự hiếu biết, linh hoạt nhưng nắm vững chắc chế độ kế toán cũng như luật pháp, bà Trần Thị Thanh đã dần khẳng định được giá trị và những sự đóng góp của mình, từ tháng 7/2015 đến nay, bà Thanh tiếp tục đóng góp cho công ty nhiều hơn nữa với vị trí kế toán trưởng.

7. Các nhân tố rủi ro:

a) Rủi ro về kinh tế:

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Là một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế, doanh nghiệp cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Đối với ngành kinh doanh bất động sản, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một nhân tố quyết định quan trọng. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu nhà ở, thuê văn phòng,...giá tăng, và ngược lại, nền kinh tế tăng trưởng yếu, trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành bất động sản, đầu tư xây dựng. Do đó, việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản nói riêng, trong đó có Công ty

b) Rủi ro về lãi suất:

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Thị trường tiền tệ nói chung và lãi suất thị trường đã có dấu hiệu ổn định sẽ là yếu tố làm giảm chi phí vốn và rủi ro lãi suất của Công ty trong thời gian tới.

c) Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty Cổ phần Tasco chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư, các văn bản dưới luật như Nghị định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định về Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định về Đầu tư tư hợp tác công tư..... Mặt khác, do đã là công ty đại chúng và có cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hiện nay, hệ thống luật pháp đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi. Để tạo ra một hành lang pháp lý thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ Quốc tế trong quá trình hội nhập, Quốc hội đã ban hành nhiều bộ luật mới. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã xây dựng chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt hạ tầng giao thông. Với hệ thống pháp luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động xây dựng như TASCO nói riêng. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của hệ thống pháp luật thì có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

6. Định hướng phát triển:

Trong suốt gần 50 năm kể từ khi thành lập, Công ty cổ phần Tasco luôn hoạt động với tinh thần vì sự bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích của các cổ đông. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty dựa trên những nền tảng quan trọng sau đây:

- **Tâm nhìn**

Tạo ra không gian cho con người sống, đam mê, sáng tạo và cống hiến.

- **Sứ mệnh**

Tasco mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị và hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên và phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

- **Giá trị cốt lõi**

Cam kết: Vì mục tiêu phát triển trường tồn không bao giờ được thỏa mãn, không bao giờ chịu lùi bước và làm mọi cách có thể để vượt qua thách thức, vì lợi ích cổ đông, khách hàng, đối tác, cộng sự, cộng đồng địa phương và môi trường.

Hợp tác: Tinh thần hợp tác xuyên suốt trong mọi quan hệ của Tasco, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và tôn trọng cá tính, chia sẻ cơ hội để phát triển nhóm, đội, cá nhân là phương pháp làm việc tốt nhất.

Tôn trọng: TASCO luôn đề cao các cá nhân và tính đa dạng, lắng nghe để hiểu mọi người, tiếp nhận mọi góp ý hành động với sự tôn trọng và tin tưởng.

Sáng tạo: Sáng tạo để khắc biệt hóa sản phẩm là phương thức để tồn tại, vì vậy phải vượt qua thách thức để cải tiến không ngừng.

Học tập: Tạo dựng một tổ chức biết học hỏi, bằng việc không ngừng tự phê bình, xem lỗi lầm là những cơ hội để học hỏi, thay vì khiến trách cá nhân.

- **Các lĩnh vực hoạt động trong chiến lược phát triển của Công ty:**

Hiện nay Công ty cổ phần Tasco đang hoạt động động và phát triển trên 3 lĩnh vực chính:

❖ **BẤT ĐỘNG SẢN:** Lấy năng lực lõi là chủ đầu tư các dự án hạ tầng giao thông để đầu tư Bất động sản theo hình thức đổi đất lấy hạ tầng.

❖ **CÔNG NGHỆ:** Đầu tư hệ thống thu phí tự động không dừng trên toàn quốc và mở rộng phát triển công nghệ thu phí sang lĩnh vực khác: như bãi đỗ xe, thu phí nội đô, vé điện tử xe bus, tàu điện trên cao,...

❖ **Y TẾ:** Hợp tác với các bệnh viện công trên địa bàn thành phố Hà Nội để thực hiện đầu tư các dự án bệnh viện theo Nghị quyết 93 của Chính phủ.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

d) Rủi ro đặc thù

Ngành nghề kinh doanh của Công ty hiện đang thực hiện phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

- **Rủi ro chính sách:** Kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào chính sách đầu tư công cho cơ sở hạ tầng và khả năng của Công ty trung thầu trong các dự án đầu tư, trong khi đó chi đầu tư công cho cơ sở hạ tầng lại phụ thuộc vào tình trạng của nền kinh tế Việt Nam. Khi chi đầu tư công giảm do nền kinh tế suy thoái, chính sách chi tiêu của Chính phủ hoặc các nguyên nhân khác có thể gây ảnh hưởng không tốt đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.

- **Rủi ro về vốn và thanh toán:** Là doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực đầu tư hạ tầng giao thông và kinh doanh bất động sản các dự án hoàn thành có thể bị chậm thanh toán, hệ quả là Công ty phải duy trì hệ số nợ ở mức cao. Việc duy trì hệ số nợ cao cộng với việc bị chiếm dụng vốn dài ngày có thể sẽ gây ra rủi ro mất khả năng thanh toán khi Công ty không thu hồi được các khoản nợ, hoặc khách hàng lớn của Công ty bị phá sản.

Đối với các dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng dự án BOT trong đó Công ty được giao vận hành các dự án sau khi hoàn thành để tạo nguồn thu bù đắp chi phí và tạo lợi nhuận. Ở các hợp đồng này, thời gian thực hiện dự án (tính đến thời điểm thu hồi vốn đầu tư) là khá dài. Nguồn thu từ các dự án BOT được thực hiện trong nhiều năm và phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như lưu lượng giao thông, mức phí giao thông được phép thu, thuế và các chính sách liên quan.

Đối với các dự án thực hiện theo hình thức Hợp đồng dự án BT (đổi đất lấy hạ tầng) phụ thuộc vào tình hình thị trường bất động sản, tiến độ thực hiện quy hoạch chung của toàn khu đô thị mới, các điều khoản thỏa thuận với các nhà đầu tư thứ phát và rất nhiều các yếu tố liên quan khác. Chính sự phức tạp trong việc thực hiện dự án trên sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hay cách khác là ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án.

Khả năng đảm bảo vốn tự có tối thiểu, các chỉ số tài chính hoặc các cam kết tài chính ở những dự án hạ tầng lớn có thể thay đổi. Mặc dù trong quá khứ Công ty đáp ứng được những yêu cầu này nhưng trong tương lai Công ty có thể gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo yêu cầu về vốn. Nếu không đáp ứng được các yêu cầu này, khả năng nhận được chấp thuận dự án đầu tư sẽ thấp và có thể gây ảnh hưởng đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.

- **Rủi ro về nguyên vật liệu:** Công ty hiện cũng đối mặt với rủi ro về sự biến động giá cả thị trường và nguồn cung cấp nguyên vật liệu không ổn định. Tình hình biến động giá cả và nguồn cung cấp các nguyên liệu đầu vào quan trọng của Công ty như nhựa đường, xăng dầu, sắt thép, cát, đá, sỏi, xi măng, ... đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

e) Rủi ro trong hoạt động đầu tư

- **Rủi ro pháp lý dự án:** Công ty có thể gặp rủi ro không thực hiện được dự án theo đúng tiến độ hoặc không hoàn thành kế hoạch kinh doanh nếu việc xin giấy phép triển khai dự án kéo dài hơn dự kiến.

- **Rủi ro đền bù giải phóng mặt bằng:** Đây là đặc thù của ngành kinh doanh bất động sản ở Việt Nam. Tại địa bàn Hà Nội, phần lớn đất quy hoạch cho các dự án khu đô thị, khu công nghiệp đều là đất đang được sử dụng, vì vậy công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này

thường rất phức tạp. Mặt khác, khung giá đèn bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước thường được điều chỉnh. Điều này gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án cũng như tác động trực tiếp đến chi phí đầu tư và doanh thu của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

▪ **Rủi ro về thị trường:** Đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị là nhu cầu vốn lớn, thời gian thi công các dự án, công trình thường kéo dài. Mặc dù theo quy định, sau khi các dự án đã hoàn thành cơ sở hạ tầng, chủ đầu tư có thể huy động vốn từ người mua, tuy nhiên thành công của việc huy động này phụ thuộc rất nhiều vào thị trường bất động sản. Nếu việc huy động không đạt được mức vốn cần thiết, chủ đầu tư phải duy trì hệ số nợ cao và thời gian chiếm dụng vốn vay dài. Như vậy, Công ty trong vai trò là chủ đầu tư có thể phải đối mặt với rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản. Những đặc thù của ngành có thể sẽ gây ra rủi ro giảm khả năng thanh toán và giảm lợi nhuận dự kiến của Công ty.

II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018:

1. Tổng quan tình hình tài chính công ty:

a. Tình hình tài sản/nguồn vốn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN			TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG NĂM 2017	
Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Giá trị	Tỷ lệ
A - TÀI SẢN NGÀN HẠN	2.110.035	1.789.831	(320.204)	-15,18%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	428.688	324.184	(104.504)	-24,38%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	134.298	246.331	112.033	83,42%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.311.592	995.955	(315.637)	-24,07%
IV. Hàng tồn kho	41.507	48.422	6.915	16,66%
V. Tài sản ngắn hạn khác	193.948	174.939	(19.009)	-9,80%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	7.209.817	8.978.995	1.769.178	24,54%
I. Các khoản phải thu dài hạn	339.787	287.293	(52.494)	-15,45%
II. Tài sản cố định	2.263.324	2.754.790	491.466	21,71%
III. Bất động sản đầu tư	-	-		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	4.145.823	5.367.931	1.222.108	29,48%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	325.406	319.653	(5.753)	-1,77%
VI. Tài sản dài hạn khác	135.477	248.174	112.697	83,19%
VII. Lợi thế thương mại	-	1.154	1.154	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	9.319.853	10.768.827	1.448.974	15,55%
C - NỢ PHẢI TRẢ	6.786.656	7.541.440	754.784	11,12%
I. Nợ ngắn hạn	1.517.801	1.028.185	(489.616)	-32,26%
II. Nợ dài hạn	5.268.855	6.513.254	1.244.399	23,62%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.533.196	3.227.387	694.191	27,40%
I. Vốn chủ sở hữu	2.533.197	3.227.387	694.190	27,40%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	9.319.853	10.768.827	1.448.974	15,55%

b. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH			Tăng trưởng năm 2017	
CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Giá trị	Tỷ lệ
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.786.122	2.177.655	(608.467)	-21,84%
2. Giá vốn hàng bán	1.998.936	1.545.476	(453.460)	-22,69%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	787.186	632.179	(155.007)	-19,69%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	36.847	37.945	1.098	2,98%
5. Chi phí tài chính	199.195	171.266	(27.929)	-14,02%
6. Phản lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	19.078	11.271	(7.807)	-40,92%
7. Chi phí bán hàng	51.636	31.428	(20.208)	-39,14%
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	107.276	109.295	2.019	1,88%
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	485.003	369.407	(115.596)	-23,83%
10. Lợi nhuận khác	4.687	-1.880	(6.567)	-140,12%
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	489.690	367.526	(122.164)	-24,95%
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	85.763	69.990	(15.773)	-18,39%
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	403.928	297.537	(106.391)	-26,34%
14. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	403.235	304.831	(98.404)	-24,40%
15. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.728	1.470	(1.258)	-46,11%

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2017			So với năm 2016
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt kế hoạch (%)	
1	Tổng doanh thu	3.300	2.178	66,0%	73,6%
2	Lợi nhuận sau thuế	450	298	66,2%	73,8%

Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc công ty đã nỗ lực trong công tác bán hàng và thực hiện đầu tư tại các dự án để hoàn thành và bàn giao cho khách hàng. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2017 đạt 66% so với kế hoạch năm và đạt 73,6% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 66,2% kế hoạch năm và đạt 73,8% so với năm 2016.

Một số nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2017 không đạt kế hoạch do:

- Công ty mới bàn giao một phần sản phẩm bất động sản cho khách hàng, sẽ tiếp tục bàn giao và ghi nhận doanh thu vào năm tới.
- Dự án BOT QL10 đoạn Quán Toan-Cầu Nghìn chưa thực hiện GPMB xong vì vậy chưa thực hiện thu phí để hoàn vốn cho dự án.
- Giá vốn từ hạ tầng giao thông tăng vì điều chỉnh tỷ lệ khấu hao cho phù hợp với thời gian hoàn vốn và doanh thu thực tế của Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình (theo hình thức BOT).

3. Tình hình tài chính của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản/Tổng nguồn vốn	9.319.853	10.768.827	15,5%
Tài sản ngắn hạn	2.110.035	1.789.831	-15,2%
Tài sản dài hạn	7.209.818	8.978.995	24,5%
Nợ phải trả	6.786.656	7.541.440	11,1%
Doanh thu thuần	2.786.123	2.177.655	-21,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	485.003	369.407	-23,8%
Lợi nhuận khác	4.687	(1.880)	-140,1%
Lợi nhuận trước thuế	489.690	367.526	-24,9%
Lợi nhuận sau thuế	403.928	297.537	-26,3%

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty năm 2017 là 10.768.827 triệu đồng, tăng 15,5% so với năm 2016. Trong đó, tỷ trọng lớn đến từ tài sản dài hạn của Công ty: tăng 1.769.177 triệu đồng, tương ứng 24,5%, chủ yếu là do Công ty trong năm thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng giao thông theo hình thức BT, BOT và các dự án bất động sản như: Tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70, BOT Hải Phòng, BOT Đông Hưng, dự án Foresa Villa, dự án Foresa Mỹ Đình, dự án Xuân Phương Residence, dự án tòa nhà Pháp Vân,...

Nợ phải trả của công ty năm 2017 tăng: 754.784 triệu đồng so với năm 2016 tương đương tăng 11,1%, do phần lớn nợ phải trả đến từ vay ngân hàng thực hiện dự án đầu tư BOT Hải Phòng, dự án đầu tư trạm thu phí không dừng trên quốc lộ 1 và quốc lộ 14 theo hình thức hợp đồng BOO, dự án Bệnh viện mắt Hà Nội-Cơ sở 2,... Nếu xem xét trên các chỉ tiêu về cơ cấu vốn, Hệ số nợ/Tổng tài sản năm 2017 là 0,7 so với năm 2015 là 0,73 đã giảm 3,8% và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2017 là 2,34 lần so với năm 2016 là 2,68 lần đã giảm 12,8% cho thấy việc công ty ngày càng tự chủ hơn về vốn, giảm sự phụ thuộc vào vay nợ.

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã xin thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 việc chi trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 15%.

Trong năm 2017 Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 08/07/2017 về việc chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15%. Trong đó, chi trả bằng tiền mặt 7%, cổ tức bằng cổ phiếu 8%.

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,39	1,74
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,36	1,69
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,73	0,70
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,37	0,43
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK BQ)	48,16	34,37
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,30	0,22
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	14,50%	13,66%
- Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH bình quân (%)	15,95%	10,30%
- Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản (%)	4,33%	2,96%
- Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần (%)	17,41%	16,96%

5. Tổ chức và nhân sự

5.1. Danh sách Ban điều hành: (xem tại trang 13 -14)

5.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Hoàng Hà Phương: Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc theo quyết định số 15/2017/QĐ-HĐQT ngày 10/10/2017
- Ông Nguyễn Văn Dưỡng: Bỏ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc theo quyết định số 16/2017/QĐ-HĐQT ngày 10/10/2017
- Ông Nguyễn Đình Dũng: Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc khối đầu tư theo quyết định số 234B/QĐ-TASCO ngày 17/10/2017

5.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.3.1. Số lượng cán bộ nhân viên:

Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 142 người, trong đó:

- Phân theo trình độ	:
+ Trên đại học	: 21
+ Đại học	: 108
+ Cao đẳng, trung cấp	: 5
+ Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông:	8
- Phân theo chức năng	:
+ Lao động gián tiếp	: 80
+ Lao động trực tiếp	: 62

5.3.2. Chính sách đối với người lao động:

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng và thực hiện chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.
- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.
- Có chính sách đài ngộ thu hút lao động giỏi, phù hợp về Công ty và chính sách khuyến khích CBCNV gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty như: chính sách thăm quan du lịch cho CBCNV, chính sách chăm sóc sức khỏe, giám định sức khỏe định kỳ, chính sách nghỉ lễ, Tết, ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ...
- Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn và khuyển khích, động viên tinh thần người lao động như: Tết thiếu nhi, Tết trung thu, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; thường cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập;...
- Hàng năm, Công ty cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.
- Công ty xây dựng chính sách đào tạo cho riêng từng cấp: cho cấp quản lý và cho nhân viên, đội trưởng/ chủ nhiệm công trình và công nhân. Điều này chứng tỏ Ban lãnh đạo Công ty

rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cũng chính là tạo điều kiện và cơ hội cho toàn thể CBNV của mình phát huy năng lực, khẳng định bản lĩnh của cá nhân trong xu thế phát triển của Công ty.

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh; tập trung vào một số việc như sau:

- Phân công trách nhiệm và phân định rõ quyền và phương pháp trao đổi, phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị.
- Vận hành hệ thống Kế hoạch - Báo cáo toàn Công ty; áp dụng và duy trì Hệ thống KPI trong toàn Công ty gắn kết giữa mục tiêu từ Công ty - các khối - các phòng - ban và từng CBNV Công ty.
- Xây dựng kế hoạch công việc, xác lập và đánh giá mục tiêu của từng bộ phận theo từng quý, kiểm soát tiến độ của các công việc trọng yếu.
- Thường xuyên, liên tục rà soát kế hoạch tài chính, kế hoạch dòng tiền nhằm cân đối tài chính trong điều kiện nguồn vốn khó khăn, đảm bảo dòng tiền phục vụ cho SXKD, chi trả nợ vay ngân hàng.
- Công tác phát triển nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự kế thừa của Công ty.
- Duy trì hệ thống các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Chú trọng vào đào tạo hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007.
- Tổ chức hoạt động KAIZEN – QCC với hình thức KAIZEN Nhóm để nâng cao và phát huy tinh thần cải tiến, sáng kiến trong toàn thể CBNV Công ty và phát triển văn hóa sáng tạo, nâng cao năng suất lao động toàn công ty.
- Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCKNN. Bên cạnh đó, đầy mạnh và chú trọng công tác Quan hệ cổ đông, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư, các nhà môi giới, chuyên gia phân tích của các công ty chứng khoán.

7. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

7.1. Tình hình tài chính các công ty con, công ty liên kết:

Năm 2017, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và người đại diện vốn tại các doanh nghiệp cũng như nỗ lực của các Công ty con, Công ty liên kết, các Công ty cũng đã đạt được những kết quả như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Tasco	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
A	Công ty con						
1	Công ty TNHH một thành viên TASCO 6 - Giấy CNĐKKD: Số 0600542036 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 16/3/2009, thay đổi lần một ngày 17/11/2009, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 19/7/2012. - Địa chỉ: Số 20, Đường Điện Biên, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định. - Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ thu cước phí và quản lý trạm thu cước phí đường bộ; Quản lý duy tu đường bộ; Kinh doanh và khai thác công trình kết cấu hạ tầng đường bộ;	65.180	100%	799.704	376.911	(751)	(751)
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái - Giấy CNĐKKD: Số 0600454929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp lần 1 ngày 7/8/2008, cấp thay đổi lần 6 ngày 14/9/2012. - Địa chỉ: Số nhà 20, ngõ 209, đường Trần Thái Tông, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam - Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng các công trình kỹ thuật, hạ tầng giao thông; Tư vấn quản lý và tư vấn giám sát các công trình xây dựng.	300.000	99,97%	766.460	19.434	3.061	3.061

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Tasco	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
3	Công ty TNHH một thành viên TASCO Quảng Bình - Giấy CNĐKKD: Số 3100959525 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/5/2013, thay đổi lần một ngày 25/7/2013.. - Địa chỉ: Số 5 Quang Trung, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình - Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường bộ; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cầu kiện bê tông đúc sẵn; Kinh doanh và khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ.	328.130	100%	1.806.957	185.111	41.169	41.169
4	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng - Giấy CNĐKKD: 0201632182 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 08/5/2015. - Địa chỉ: Số 4 Đường Hà Nội, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng. - Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	384.000	100%	2.405.141	0	0	0
5	Công ty TNHH một thành viên TASCO Nam Định - Giấy CNĐKKD: 0600642753 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần một ngày 16/7/2009, thay đổi lần 6 ngày 20/11/2013. - Địa chỉ: Số 20, Đường Điện Biên, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định - Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng các công trình kỹ thuật, hạ tầng giao thông; Tư vấn quản lý và tư vấn giám sát các công trình xây dựng.	343.278	100%	380.512	0	(15,2)	(25,3)

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Tasco	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
6	Công ty TNHH thu phí tự động VETC - Giấy CNĐKKD: Số 0107500414 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/7/2016. - Địa chỉ: Số 167, Trung Kính, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ...	227.474	97,82%	934.654	24.200	(16.184)	(16.184)
7	Công ty Cổ phần VETC - Giấy CNĐKKD: 0106858609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 22 tháng 5 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 8 năm 2015. - Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội - Ngành nghề kinh doanh chính: Công ty cổ phần VETC là đơn vị được thành lập với mục đích triển khai dự án xây dựng Trạm thu phí tự động không dừng, ngoài ra VETC còn kiêm các nhành nghề: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ...	252.801	97,82%	253.752	18.037	(1.655)	(1.655)
8	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công - Giấy CNĐKKD: Số 0106259517 do Sở Kế hoạch - Đầu	12.000	51%	55.937	102.301	(609,7)	(676,7)

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Tasco	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
	tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/8/2013. - Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. - Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng; vận tải; máy móc thiết bị xây dựng						
9	Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn TASEDU - Giấy CNĐKKD: số 0107440099 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/5/2016 - Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội - Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ hỗ trợ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp; giáo dục thể thao giải trí, văn hóa nghệ thuật; Tư vấn đầu tư; tư vấn quản lý; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; tổ chức thực hiện xúc tiến thương mại; Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản	361	100%	7,4	1.856	(359)	(359)
10	Công ty TNHH T' Hospital - Giấy CNĐKKD: Số 0107433574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/5/2016. - Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội - Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn đầu tư; bán buôn dược phẩm và thiết bị y tế; bán buôn thực phẩm; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	32.500	100%	35.835	0	(7,3)	(7,3)
11	Công ty cổ phần Bệnh Viện Mắt Hà Nội - Giấy CNĐKKD: Số 0107683084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/12/2016.	35.000	67%	205.344	38.813	(17.367)	(17.367)

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Tasco	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
	- Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động bệnh viện, trạm xá; bán buôn dược phẩm và thiết bị y tế; bán buôn thực phẩm; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; hoạt động của các bệnh viện, trạm xá						
12	Công ty TNHH An Nhiên Food - Giấy CNĐKKD: Số 5400344011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 06/4/2010. - Địa chỉ: Xóm Bãi Nôi, xã Hợp Thành, Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Hòa Bình - Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa được phun vào đâu; trồng cây gia vị, cây dược liệu,...	8.000	100%	13.221	49,6	(144,6)	(144,6)
13	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco - Giấy CNĐKKD: Số 0107787703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/4/2017. - Địa chỉ: Căn nhà ô số 46, lô TT15, dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, P. Xuân Phương, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội - Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ quản lý BDS: quản lý, vận hành, khai thác duy tu bảo dưỡng các tòa nhà, khu đô thị và hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị, khu dân cư; đầu tư kinh doanh cây xanh đô thị, cảnh quan đô thị.	1.918	100%	5.966	3.975	(1.810)	(1.810)
14	Công ty Cổ phần Tasco Năng lượng - Giấy CNĐKKD: Số 4500619959 do Sở Kế hoạch và Đầu	10.000	99%	10.000	0	0	0

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Tasco	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
	tư Tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 21/12/2017. - Địa chỉ: Số 11 đường 16/4, P. Mỹ Bình, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận - Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.						
B	Công ty liên kết						
1	CTCP Bất động sản Thái An - Giấy CNĐKKD: Số 0104349719 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/12/2009 và thay đổi lần 4 ngày 18/05/2011. - Địa chỉ: B1-24 Đường Lê Đức Thọ, Xã Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội. - Ngành nghề kinh doanh chính: Thi công xây lắp các công trình giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng; kinh doanh bất động sản.	23.670	30%	22.662	0	(51,8)	(51,8)
2	Công ty CP TASCO Thăng Long - Giấy CNĐKKD: Số 0104328839 (Số cũ 0103043065) do Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/12/2009, thay đổi lần 1 ngày 23/7/2010 - Địa chỉ: Số 64, nhà TT4, Khu đô thị Sông Đà - Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội - Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản; Quản lý bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Tư vấn bất động sản; Định giá bất động sản; Môi giới bất động sản;	4.237	30%	4.300	0	(2)	(2)
3	Công ty CP D-tech - Giấy CNĐKKD: Số 0104822759 do Sở Kế hoạch và Đầu	10.000	20%	15.186	0	0	0

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Tasco	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
	tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/7/2010, thay đổi lần hai ngày 16/9/2011. - Địa chỉ: Số nhà 5C khu A3, tập thể Đại học mỏ địa chất, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. - Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh, buôn bán các thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, nhà ở...						
4	Tổng Công ty Thăng Long – CTCP - Giấy CNĐKKD: 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. - Địa chỉ: Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội - Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, các công trình dân dụng; Sản xuất, gia công các cấu kiện kim loại...	419.080	35,4%	1.336.745	1.116.536	25.889	25.889
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ - Giấy CNĐKKD: 2600940457 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 26/5/2015 - Địa chỉ: Khu 12, xã Cỗ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ - Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Kinh doanh và khai thác công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.	230.000	30%	1.091.497	42.875	7.419	7.419

7.2. Các dự án đầu tư tiêu biểu:

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- 
- 1 DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
 - 2 DỰ ÁN HẠ TẦNG GIAO THÔNG
 - 3 DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THU PHÍ TỰ ĐỘNG KHÔNG DÙNG
 - 4 DỰ ÁN BỆNH VIỆN

CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN



KHU ĐÔ THỊ
SINH THÁI
FORESA VILLA



XUÂN
PHƯƠNG
RESIDENCE



SOUTH
BUILDING



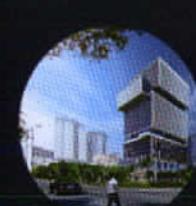
KHU ĐÔ THỊ
FORESA
MỸ ĐÌNH



48
TRẦN DUY
HƯNG

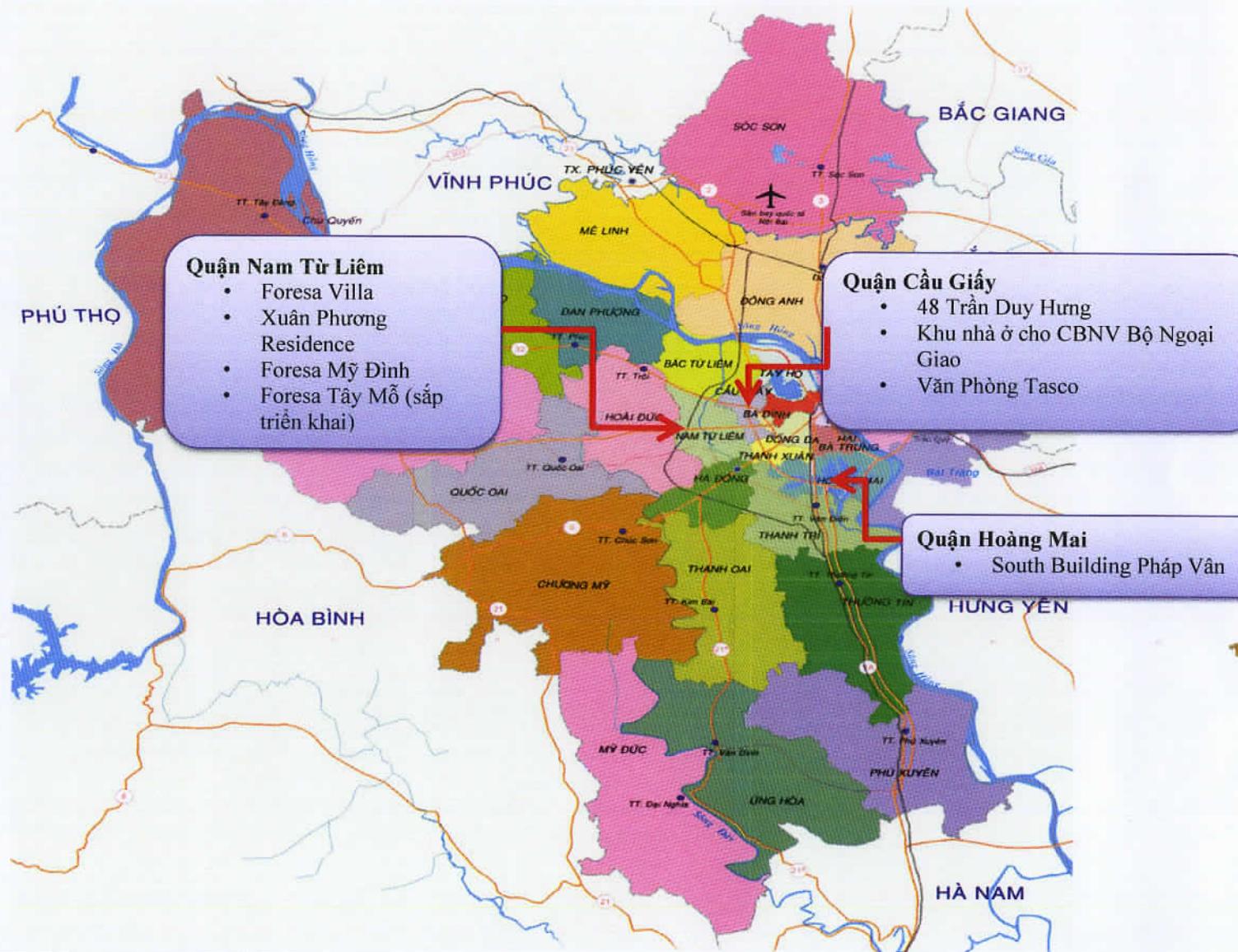


KHU NHÀ Ở
CBNV
BỘ NGOẠI GIAO



TÒA NHÀ
VĂN PHÒNG
TASCO

Đến nay, 90% các dự án Bất động sản đang và sắp triển khai của Tasco nằm ở Phía Tây Hà Nội – điểm nóng BDS của Thành phố. Bao gồm tại 2 quận: Nam Từ Liêm & Cầu Giấy.





FORESA VILLA – KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI XUÂN PHƯƠNG

- **Vị trí:** Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- **Diện tích:** 38ha
- **Quy mô:** 813 căn nhà ở thấp tầng (biệt thự đơn lập, song lập, nhà liền kề, nhà shop-house)
- **TMĐT:** 2.850 tỷ đồng
- **Chức năng:** Foresa Villa tọa lạc tại trung tâm quận Nam Từ Liêm, là khu đô thị sinh thái đầu tiên tại Hà Nội mang lại cảm xúc thiên nhiên xanh tựa Rừng Trong Phố, với công viên trung tâm rộng hơn 4ha, mật độ xây dựng thấp 30%, cùng diện tích cây xanh mặt nước rộng lớn. Cư dân Foresa không chỉ tận hưởng không gian xanh trong lành mà còn hưởng lợi từ hệ thống hạ tầng hoàn thiện và các tiện ích nội khu thuận lợi.
- **Tiến độ bán hàng:** Đã bán được 523/813 căn, đã và đang thực hiện bàn giao cho khách hàng. Dự kiến hoàn thành công tác bán hàng và bàn giao trong 2018.





XUÂN PHƯƠNG RESIDENCE

- **Vị trí:** P.Xuân Phương – Q.Nam Từ Liêm - Tp. Hà Nội
- **Diện tích:** 3,95 ha
- **Quy mô:** 6 tòa chung cư cao 17 tầng , 126 căn nhà liền kề
- **TMĐT:** 1.100 tỷ đồng
- **Chức năng:** Nhà ở thấp tầng và nhà ở chung cư cao tầng. Tiện ích: khu vui chơi ngoài trời cho trẻ em vào các khoảng xanh công viên nhỏ, bố trí đan xen giữa các tòa nhà mang đến cảnh quan đẹp, môi trường sống nhẹ nhàng, thanh bình, là nơi các cư dân thoái mái bước đạo chơi sau một ngày làm việc mệt mỏi.

- Công tác bán hàng của dự án:

- + Nhà cao tầng:

Lô 3 (gồm 2 tòa E, F) cao 17 tầng, trong đó phần của Tasco được kinh doanh là 4 tầng của mỗi tòa (từ tầng 14-17): Đã bán và bàn giao cho khách hàng được 234/234 căn.

Lô 1,2 (gồm 4 tòa A,B,C,D) cao 17 tầng, trong đó phần của Tasco được kinh doanh là 4 tầng của mỗi tòa (từ tầng 14-17): Đã bán và bàn giao cho khách hàng 289/408 căn. Hiện còn 119 khách hàng của Báo Nhân dân và 2 sàn thương mại dự kiến sẽ ký hợp đồng mua bán và bàn giao vào năm 2018.

- + Nhà thấp tầng: Đã thực hiện bán và bàn giao cho khách hàng được 126/126 căn.





SOUTH BUILDING

- **Vị trí:** Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- **Diện tích:** 2.173 m²
- **Quy mô:** Tòa nhà cao 16 tầng
- **TMDT:** 211 tỷ đồng
- **Chức năng:** Có chức năng hỗn hợp gồm văn phòng, TMDV và căn hộ chung cư
- **Tiện ích:** tòa nhà duy nhất sở hữu 2 tầng hầm rộng, bao gồm nhà trẻ, văn phòng, khu dịch vụ thuận tiện. Bên cạnh đó cư dân sinh sống sẽ được hưởng lợi từ không gian trong lành từ công viên Yên Sở.
- **Tiến độ bán hàng:** Đã bán và bàn giao cho khách hàng được 140/140 căn. 2 sàn thương mại dự kiến sẽ bán xong trong năm 2018.



FORESA MỸ ĐÌNH

- **Vị trí:** P. Xuân Phương – Q.Nam Từ Liêm - Tp. Hà Nội
- **Diện tích:** 49ha
- **Quy mô:** 660 căn hộ thấp tầng (biệt thự đơn lập, song lập, nhà liền kề, nhà shop-house)
- **TMDT:** dự kiến 3.500 tỷ đồng
- **Chức năng:** Khu đô thị sinh thái bao gồm các tiện ích kèm theo như: nhà trẻ, trường tiểu học, khu trung tâm thương mại dịch vụ, nhiều cây xanh, khu công viên công cộng... mang tới cho cư dân một cuộc sống hoàn hảo, tiện nghi và lãng mạn; đồng thời tạo nên những điểm nhấn khác biệt.
- **Tiến độ dự án:** Dự án đã được phê duyệt quy hoạch 1/500 và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận làm chủ đầu tư dự án. Hiện dự án đang trong quá trình GPMB cũng như hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai đầu tư hạ tầng dự án.





DỰ ÁN 48 TRẦN DUY HƯNG

- **Vị trí:** P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- **Diện tích:** 2.800m²
- **Quy mô:** Tòa nhà cao 25 tầng
- **TMĐT:** 500 tỷ đồng
- **Chức năng:** Khu căn hộ cao cấp kết hợp văn phòng cho thuê, Tòa nhà 48 Trần Duy Hưng là dự án căn hộ cao cấp kết hợp văn phòng cho thuê giữa trung tâm thành phố Hà Nội. Với lợi thế vị trí và hạ tầng kết nối hoàn hảo, dự án được kỳ vọng sẽ đem lại một điểm nhấn mới và là sự lựa chọn của nhiều khách hàng, doanh nghiệp.

Hiện công ty đang tập trung công tác GPMB cũng như hoàn thiện các thủ tục pháp lý của dự án để dự kiến khởi công vào quý 4/2018.



DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở CHO CBNV BỘ NGOẠI GIAO

- **Vị trí:** Đường Trần Quốc Hoàn, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
- **Diện tích:** 13.770m²
- **Quy mô:** 2 tòa 27 tầng
- **TMĐT:** 1.500 tỷ đồng
- **Chức năng:** Với thiết kế hiện đại và vị trí trung tâm, dự án Nhà ở cho CBNV Bộ Ngoại Giao gây ấn tượng cho khách hàng bằng tiện ích hoàn hảo với khu shop house sầm uất, bể bơi, phòng gym, khu sinh hoạt cộng đồng trên cao và sân chơi trẻ em...
- Hiện nay công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan nhà nước để có thể triển khai trong năm 2019. Lợi nhuận gộp của dự án là 12%/tổng mức đầu tư

DỰ ÁN TÒA NHÀ VĂN PHÒNG TASCO

- **Vị trí:** P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- **Diện tích:** 2.800m²
- **Quy mô:** 28 tầng, là tổ hợp khách sạn, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại, không gian sinh hoạt cộng đồng và office-tel
- **TMĐT:** 700 tỷ đồng
- **Chức năng:** Tòa nhà Tasco tọa lạc tại đường Dương Đình Nghệ - trung tâm đô thị mới của Quận Cầu Giấy, với các chức năng thương mại được thiết kế hài hòa nhằm tối ưu hóa công năng sử dụng và tận dụng tầm nhìn trên cao hướng ra bốn phía thành phố.
- **Tiến độ dự án:** Hiện công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để triển khai thực hiện đầu tư vào năm 2019.



CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG

TASCO nhà đầu tư uy tín trong lĩnh vực hạ tầng giao thông theo các hình thức BOT và BT với việc xây dựng nhiều tuyến đường huyết mạch tại miền Bắc và miền Trung Việt Nam.



DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP QUỐC LỘ 10 ĐOẠN QUA TP. HÀI PHÒNG (HỢP ĐỒNG BOT)



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG BỘ MỚI ĐOẠN PHÚ LÝ - MỸ LỘC



DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP QUỐC LỘ 10 ĐOẠN QUA TỈNH THÁI BÌNH (HỢP ĐỒNG BOT)



DỰ ÁN XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG TỪ ĐƯỜNG LÊ ĐỨC THỌ ĐẾN ĐƯỜNG 70 (HỢP ĐỒNG BT)



DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NÂNG CẤP ĐƯỜNG TỈNH 39B THÁI BÌNH (HỢP ĐỒNG BT)



DỰ ÁN XÂY DỰNG CẢI TẠO, NÂNG CẤP QUỐC LỘ 1 (HỢP ĐỒNG BOT)

**Dự Án BOT 10 (Cầu La Uyên – Cầu Tân Đệ - Thái Bình)**

- **Tổng mức đầu tư dự án:** 1.028 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** cấp 2 đồng bằng
- **Thời gian thu phí hoàn vốn:** 11,8 năm tính từ tháng 4/2009 đến tháng 1/2021
- **Lợi nhuận Nhà đầu tư:** 14%/VCSH/Năm

**Dự Án BOT 21 (Tuyến Đường Tránh Nam Định)**

- **Tổng mức đầu tư dự án:** 487 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** đường phố chính đô thị
- **Thời gian hoàn vốn dự án:** 17,2 năm tính từ tháng 8/2009 đến tháng 10/2026
- **Lợi nhuận Nhà đầu tư:** 18%/VCSH/Năm



Dự Án BOT Quảng Bình (Nâng Cấp Mở Rộng QL1)

- Quy mô dự án: Tiêu chuẩn đường phố chính đô thị thứ yếu + Đường cấp III đồng bằng
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.983 tỷ đồng
- Thời gian hoàn vốn dự án: 17 năm tính từ tháng 7/2015.
- Lợi nhuận Nhà đầu tư: 11,5%/VCSH/Năm

Dự Án BOT Quốc Lộ 10 (Quán Toan – Cầu Nghìn)

- Tổng mức đầu tư dự án: 2.815 tỷ đồng
- Quy mô đường: phố chính đô thị thứ yếu + Đường cấp III đồng bằng
- Thời gian thực hiện: 2015-2017
- Thời gian hoàn vốn dự án: 16 năm
- Lợi nhuận Nhà đầu tư: 11,5%/VCSH/Năm
- Tiến độ dự án: đã hoàn thành công tác GPMB và đang tiến hành thi công thảm mịn 300m còn lại trên tuyến của dự án. Dự kiến thực hiện thu phí hoàn vốn dự án từ tháng 6/2018.



Dự án BOT 39 (Thanh Nê, Diêm Điền, Thái Bình)

- Quy mô dự án: Tổng chiều dài toàn tuyến: 16,62Km.
- Tổng mức đầu tư dự án: 550 tỷ đồng
- Thời gian hoàn vốn dự án: 18 năm tính từ 1/1/2017
- Lợi nhuận Nhà đầu tư: 11,5%/VCSH



Dự Án BT 21 (Phủ Lý – Mý Lộc)

- Tổng mức đầu tư dự án: 3.800 tỷ đồng
- Quy mô đường : phố chính đô thị + Đường cấp III đồng bằng
- Thời gian thực hiện: 2010-2014
- Giá trị quyết toán: 3.761 tỷ đồng
- Lợi nhuận của Nhà đầu tư: 14%/tổng mức đầu tư Giá trị Nhà nước đã thanh toán: 3.694 tỷ đồng
- Giá trị Nhà nước còn phải thanh toán: 29,9 tỷ đồng



Dự Án BT 39 Thanh Nê, Diêm Điền, Thái Bình

- Tổng mức đầu tư dự án: 1.882 tỷ đồng
- Quy mô đường: cấp 3 đồng bằng
- Thời gian thực hiện: 2010-2015
- Tiến độ thực hiện dự án: Hiện dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng
- Giá trị dự kiến quyết toán: 1.758 tỷ đồng
- Lợi nhuận của Nhà đầu tư: 14%/tổng mức đầu tư
- Giá trị Nhà nước còn phải thanh toán: 173 tỷ đồng.



Dự Án BT Lê Đức Thọ (Đoạn từ đường Lê Đức Thọ đến Đường 70)

- Tổng mức đầu tư dự án: 1.543 tỷ đồng
- Tổng chiều dài toàn tuyến: 3,5 km; Quy mô đường đô thị.
- Tiến độ dự án: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng từ 28/4/2018.
- Các dự án đối ứng để hoàn vốn cho dự án:
 - Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương (Foresa Villa)
 - Dự án tòa nhà 48 Trần Duy Hưng
 - Đơn vị ở 1 (Foresa Mỹ Đình)

CÔNG NGHỆ THU PHÍ

Công ty cổ phần VETC – Công ty con của Tasco, được thành lập với mục tiêu trở thành nhà đầu tư và vận hành hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC) trên nền tảng công nghệ RFID (của Mỹ). Mong muốn của VETC là mang đến giải pháp thu phí ứng dụng công nghệ hiện đại góp phần tăng tốc sự phát triển chung của lĩnh vực Giao thông Vận tải nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Tiến độ thực hiện:

- Đã ký hợp đồng dịch vụ với 28 trạm thu giá/32 trạm thu giá (04 trạm thu giá chưa đủ điều kiện triển khai: Trạm Bắc Giang, Lạng Sơn chưa thi công xây dựng trạm; trạm Cầu Rác đến năm 2019 sẽ hết thời gian thu phí).
- Đã hoàn thành lắp đặt thiết bị tại 21 trạm thu phí trong dự án.
- Đã đưa vào vận hành thu phí ETC tại 17 trạm.
- Dự kiến trong năm 2018 sẽ lắp đặt hết các thiết bị và đưa vào vận hành thu phí ETC của tất cả các trạm nằm trong dự án thu phí giai đoạn 1 (28 trạm) đồng thời thực hiện triển khai đầu tư thêm 02 cửa tại các dự án trên theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Giao thông Vận tải .
- Ngoài ra, để có thể mở rộng phát triển khách hàng, dự kiến trong năm 2018 sẽ triển khai thêm khoảng 20 trạm ngoài dự án

Công tác bán hàng (tổ chức dán thẻ): Đã ký hợp đồng tổ chức dán thẻ với Cục đăng kiểm và 77 trung tâm đăng kiểm. Ngoài ra Nhà đầu tư đã ký hợp đồng với các đại lý đồng thời triển dán thẻ và mở tài khoản tại các trạm thu giá.

- Đến nay đã dán được khoảng 500.000 thẻ.
- Dự kiến đến hết năm 2017 sẽ dán được 550.000 thẻ.



ĐẦU TƯ Y TẾ

- Từ cuối năm 2012, Tasco bắt đầu triển khai nghiên cứu đầu tư kết hợp với các Bệnh viện Công, tổ chức thăm quan học hỏi tại nhiều nơi trên thế giới như Pháp, Đức, Thụy Sỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc..., với ngân sách khoảng 10 tỷ đồng, nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh chất lượng cao của người dân. Đây là dự án đầu tư mang nhiều ý nghĩa xã hội, thể hiện sự đóng góp của Doanh nghiệp với nước nhà. Mảng Đầu Tư Y Tế của Tasco được quản lý bởi T'Hospital – Công ty con thuộc sở hữu 100% của Tasco
- Tasco đã hợp tác với một số bệnh viện công trên địa bàn Hà Nội.
- Ngày 21/4/2017 khai trương và bắt đầu khám chữa bệnh “Bệnh viện mắt Hà Nội - cơ sở II”, địa chỉ 72 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- Dự kiến doanh thu mỗi năm trên 100 tỷ. Doanh thu từ mảng đầu tư y tế chủ yếu đến từ sau năm 2018.

8. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Từ năm 2009, Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Là một doanh nghiệp mới trong ngành, nhưng Công ty cũng đã nhanh chóng vươn lên thành một doanh nghiệp có vị thế tại thị trường bất động sản tại Hà Nội. Các dự án mà Tasco tham gia đều có vị trí tương đối thuận lợi tại các quận mới của Hà Nội và dự kiến sẽ mang lại khoản lợi nhuận đáng kể cho Công ty với sự hỗ trợ mạnh từ ngành xây lắp truyền thống.

Theo Chiến lược đô thị hóa của Nhà nước, nhu cầu xây dựng nhà ở đến năm 2020 phải đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân là 18-20m²/người theo các chương trình phát triển nhà nhằm cung cấp các loại nhà ở phù hợp với các đối tượng xã hội có nhu cầu và mức thu nhập khác nhau. Xây dựng các công trình phục vụ công cộng, bảo đảm dành từ 3-5m² đất/người, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân ở từng đô thị, dành 5% quỹ đất đô thị cho xây dựng công trình phục vụ công cộng. Theo xu hướng trên, nhu cầu về nhà ở của Thủ đô Hà Nội trong những năm tới còn rất lớn, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty.

Với sự tăng tốc độ đô thị hóa như trên, ngành bất động sản được dự báo là có nhiều tiềm năng phát triển. Đặc biệt từ cuối năm 2013, thị trường bất động sản đang có tín hiệu phục hồi và tăng trưởng tốt ở phân khúc nhà ở dành cho người có thu nhập thấp và trung bình.

Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty có những kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

- Xây dựng thương hiệu Công ty, văn hóa doanh nghiệp làm nền tảng cho việc xây dựng đội ngũ người lao động mang phong cách và văn hóa Tasco, xây dựng Tasco là ngôi nhà thứ hai, là mái nhà chung đối với người lao động.
- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.
- Xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý để Hội Đồng Quản Trị thực hiện kiểm soát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra việc đầu tư tài chính vào các công ty con thông qua hệ thống kiểm soát bằng các quy chế quản lý và hoạt động của hệ thống kiểm toán.
- Cơ cấu tổ chức: Hoạt động của Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Đối với các dự án lớn Công ty sẽ góp vốn thành lập công ty con để thực hiện dự án này.
- Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản trị chất lượng trong toàn công ty, hoàn thiện các quy trình cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.
- Tất cả để hướng tới khách hàng: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.
- Kết hợp với một số nhà đầu tư có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm đầu tư để thực hiện một số dự án điện sạch.
- Định hướng phát triển của Công ty nêu trên là phù hợp với định hướng phát triển của ngành và nền kinh tế hiện nay.

III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ:**1. Hội đồng quản trị Công ty:****1.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):**

Số Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là HĐQT	Số buổi hợp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự hợp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT		44	100,0	
2	Bà Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT		44	100,0	
3	Bà Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT		44	100,0	
4	Bà Trần Hải Yên	Thành viên HĐQT	26/04/2017	31	70,5	Trở thành TV HĐQT Công ty hiệm kỳ 2017- 2022 từ ngày 26/4/2017
5	Ông Nguyễn Việt Tân	Thành viên HĐQT	26/04/2017	31	70,5	
6	Ông Phạm Văn Lương	Phó Chủ tịch HĐQT	26/04/2017	13	29,5	
7	Ông Vũ Quang Lâm	Thành viên HĐQT	26/04/2017	13	29,5	
8	Bà Phạm Thị Nhàn	Thành viên HĐQT	26/04/2017	13	29,5	
9	Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT	26/04/2017	13	29,5	
10	Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên HĐQT	26/04/2017	1	2,3	

1.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc giám sát đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc thông qua những hoạt động cụ thể như sau:

- Thường xuyên giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, điều lệ công ty đã ban hành.
- Giám sát tình hình quản lý tài chính của Công ty, quản lý các chi phí đầu tư để phòng ngừa những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện bổ nhiệm cán bộ, tuyển dụng lao động, chế độ lương thưởng cho người lao động.
- Giám sát việc thực hiện chấp hành và tuân thủ các quy định pháp luật, chế độ báo cáo, công bố thông tin kịp thời, chính xác.

- Giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông hiện hữu.
- Kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư của Công ty.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Từng thành viên Hội đồng quản trị luôn thực hiện nhiệm vụ của mình và phát huy vai trò của các Trưởng tiểu ban trong công tác quản trị và giám sát hoạt động SXKD của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo Ban Tổng giám đốc điều hành theo đúng văn hóa và giá trị cốt lõi của Công ty và theo quy định pháp luật.

- Tiểu ban chiến lược và đầu tư: xây dựng định hướng và đề xuất phê duyệt chiến lược tổng thể của Công ty; Giám sát thực hiện chiến lược thông qua các báo cáo định kỳ về các vấn đề chiến lược, đầu tư; Thảo luận và đề xuất phê duyệt kế hoạch kinh doanh cho công ty và các công ty con; Đề xuất phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền (theo cơ chế phân quyền);...

- Tiểu ban nhân sự và văn hóa doanh nghiệp: Tham gia xây dựng chiến lược phát triển nhân sự (tuyển dụng, duy trì nhân tài, chế độ lương thưởng/dãi ngộ); Thực hiện giám sát đánh giá kết quả công việc của các cá nhân chủ chốt và cân đối giữa hiệu quả công việc với chế độ dãi ngộ; Giám sát việc xây dựng và vận hành hệ thống lương thưởng; Hỗ trợ HĐQT trong việc đề xuất và lựa chọn các ứng viên cho các vị trí điều hành và các vị trí HĐQT khi có yêu cầu; Đảm bảo công ty tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và đóng góp vào việc xây dựng một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong công ty;

- Tiểu ban kiểm toán và Quản trị rủi ro: Hỗ trợ HĐQT trong việc giám sát hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, xây dựng và phê duyệt chiến lược, chính sách, cơ chế quản trị rủi ro; Quản lý điều hành công tác Kiểm toán; Công tác quản lý rủi ro (QLRR) tiếp tục được sự quan tâm của HĐQT và được định hướng, giám sát của Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro. Tiểu ban KT&QTRR đã có trình bày về thực trạng công tác quản lý rủi ro của Công ty hiện tại và định hướng kế hoạch triển khai xây dựng khung quản trị rủi ro doanh nghiệp (bao gồm: chiến lược Quản trị rủi ro, cơ cấu quản trị rủi ro, quy trình quản lý rủi ro, hồ sơ rủi ro).

- Tiểu ban tài chính và kế toán: Thẩm định, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và kế hoạch Tài chính-Kế toán của Công ty mẹ; Chủ trì xây dựng, sửa đổi hệ thống quản trị tài chính và hệ thống kế toán tại Công ty mẹ; Tư vấn xây dựng hệ thống quản trị tài chính và kế toán tại công ty con; Duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác tài chính lớn, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan; Tham gia lập chiến lược và giám sát thực hiện chiến lược Công ty mẹ; Xây dựng, sửa đổi và giám sát thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty mảng tài chính và kế toán; Giám sát quản lý quan hệ cổ đông;...

1.4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2017):

Số	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết Hội đồng quản trị			
1.	01/2017/NQ-HĐQT	10/01/17	Phê duyệt tăng giá sản phẩm Đợt bán hàng lần 2 Dự án South Building
2.	03/2017/NQ-HĐQT	18/01/17	Phê duyệt thông qua Quy chế phân quyền Công ty cổ phần VETC

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
3.	05/2017/NQ-HĐQT	20/01/17	Chi trả lương hiệu quả năm 2016
4.	07/2017/NQ-HĐQT	17/02/17	Phê duyệt tăng giá sản phẩm Đợt bán hàng lần 3 Dự án South Building
5.	08/2017/NQ-HĐQT	20/02/17	Phê duyệt phương án xử lý các khoản nợ khó đòi tại thời điểm ngày 31/12/2016
6.	09/2017/NQ-HĐQT	20/02/17	Triển khai dự án Chiến lược Thương hiệu Tasco
7.	10/2017/NQ-HĐQT	21/02/17	Chính sách bán hàng cho các sản phẩm còn lại tại Dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương
8.	11A/2017/NQ-HĐQT	28/02/17	Bầu bà Nguyễn Thị Thu làm thành viên HĐQT VETC, thay thế ông Lê Xuân Thủy, Thành viên độc lập HĐQT Công ty cổ phần VETC
9.	12/2017/NQ-HĐQT	11/03/17	Bổ sung nhân sự và bổ nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Đào tạo và Tư vấn Tasedu
10.	16/2017/NQ-HĐQT	21/03/17	Nghiên cứu, đánh giá cơ hội đầu tư khi cổ phần hóa Trường cao đẳng nghề kỹ thuật và nghiệp vụ Hà Nội, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
11.	18/2017/NQ-HĐQT	23/03/17	Thành lập công ty TNHH MTV TM và DV Tasco
12.	19/NQ-HĐQT	28/04/17	Giao quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư cho Doanh nghiệp dự án thực hiện dự án BOT Đông Hưng;
13.	19A/2017/NQ-HĐQT	05/05/17	Miễn nhiệm, bổ nhiệm Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tasco
14.	20/NQ-HĐQT	08/05/17	Chi trả cổ tức năm 2016 cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Tasco
15.	21/2017/NQ-HĐQT	08/05/17	Miễn nhiệm, bổ nhiệm Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH T'Hospital
16.	23/2017/NQ-HĐQT	22/05/17	Chi phụ cấp, thù lao HĐQT, BKS năm 2016
17.	27/2017/NQ-HĐQT	01/06/17	Chấp thuận phương án khai thác Khu đất tại số 20 đường Điện Biên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
18.	28/2017/NQ-HĐQT	22/06/17	Thông qua chi tiết phương án phát hành và danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017

Số	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
19.	29/2017/NQ-HĐQT	22/06/17	Thay đổi cơ cấu tổ chức và người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH T'Hospital
20.	32/2017/NQ-HĐQT	06/07/17	Phân công trách nhiệm, nhiệm vụ thành viên HĐQT TASCO
21.	33/2017/NQ-HĐQT	10/07/17	Thông qua điều chỉnh danh sách nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ
22.	34/2017/NQ-HĐQT	21/07/17	Thông nhất một số chính sách bán hàng các dự án
23.	34A/2017/NQ-HĐQT	28/07/17	Thanh lý tài sản
24.	35/2017/NQ-HĐQT	01/08/17	Thông qua giá chào bán và thời gian nộp tiền mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ
25.	38/2017/NQ-HĐQT	16/08/17	Ban hành sơ đồ tổ chức TASCO
26.	39/2017/NQ-HĐQT	17/08/17	Tiếp tục chào bán số lượng cổ phiếu không chào bán hết trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ
27.	40/2017/NQ-HĐQT	21/08/17	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty TNHH T'Hospital
28.	41/2017/NQ-HĐQT	01/09/17	Điều chỉnh kế hoạch triển khai ERP
29.	43/2017/NQ-HĐQT	08/09/17	Thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu lần thứ 2
30.	45/2017/NQ-HĐQT	19/09/17	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Foresa Mỹ Đình
31.	47/2017/NQ-HĐQT	25/09/17	Thông qua danh sách trái chủ đăng ký chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, khối lượng, giá chuyển đổi.
32.	50/2017/NQ-HĐQT	07/10/17	Tăng vốn điều lệ T'HOSPITAL
33.	54/2017/NQ-HĐQT	06/11/17	Chấp thuận đề xuất bổ nhiệm TGĐ Tasco Thành Công
34.	55/2017/NQ-HĐQT	20/11/17	Điều chỉnh Trách nhiệm Phòng/ban và phương án nhân sự
35.	60/2017/NQ-HĐQT	15/12/17	Thông qua nội dung và kế hoạch tổ chức xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản
II. Quyết định của HĐQT			
1.	01/2017/QĐ-HĐQT	23/03/17	Bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền của TASCO tại

Số	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco; bổ nhiệm Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco
2.	02/2017/QĐ-HĐQT	05/05/17	Quyết định về việc Nhập Tiểu ban và Miễn nhiệm, Bổ nhiệm Trưởng Tiểu ban NS và VHDN
3.	03/2017/QĐ-HĐQT	05/05/17	Quyết định về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Trưởng Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư
4.	04/2017/QĐ-HĐQT	05/05/17	Quyết định về việc đổi tên Tiểu ban Kiểm toán, Bổ nhiệm Trưởng Tiểu Ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro
5.	05/2017/QĐ-HĐQT	05/05/17	Quyết định về việc Thành lập Tiểu ban Tài chính và Kế toán
6.	06/2017/QĐ-HĐQT	05/05/17	Quyết định về việc bổ nhiệm Chánh Văn phòng HĐQT
7.	10/2017/QĐ-HĐQT	03/08/17	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco
8.	14/2017/QĐ-HĐQT	27/09/17	Tăng vốn điều lệ Tasco
9.	15A/2017/QĐ-HĐQT	07/10/17	Tăng vốn điều lệ T'HOSPITAL
10.	18/2017/QĐ-HĐQT	20/10/17	Tăng vốn điều lệ Tasco Hải Phòng
11.	20/2017/QĐ-HĐQT	07/11/17	Thay đổi người đại diện theo ủy quyền của TASCO tại CTCP BVMHN2

1.5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2018:

Trong năm 2018, HĐQT Công ty định hướng: Chiến lược của công ty tập trung vào các dự án hạ tầng giao thông, các dự án đầu tư bất động sản, tập trung tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới để kết hợp với các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm để cùng tham gia đầu tư để từ đó, đảm bảo kế hoạch doanh thu lợi nhuận của công ty, cũng như lợi ích lâu dài của cổ đông, nhà đầu tư.

- Các tiêu ban: Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư; Tiểu ban Nhân sự và Chế độ đãi ngộ; Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ và Tiểu ban Văn hóa Doanh nghiệp cần bổ sung nhân sự để phát huy hơn nữa vai trò giúp việc cho HĐQT trong công tác định hướng, quản trị và giám sát các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- Tiếp tục nâng cấp hệ thống kiểm soát nội bộ (Trên cơ sở hoàn thành dự án tư vấn của KPMG) và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng;
- Vận hành đồng bộ hệ thống đánh giá nhân sự để đảm bảo tính công bằng nhằm nâng cao

năng suất lao động và tạo động lực làm việc cho CBNV;

- Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc xây dựng và truyền thông văn hóa doanh nghiệp theo lộ trình;

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn, cơ hội hợp tác đầu tư kinh doanh;

- Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược, cũng như chính sách đối với cá nhân, tổ chức tư vấn, giới thiệu nhà đầu tư chiến lược.

1.6. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2017:

Năm 2017, Công ty đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

2. Ban kiểm soát:

2.1.Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là Thành viên BKS	Số buổi họp làm việc của BKS	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Bùi Kim Ngân	Trưởng BKS	26/04/2017	2/2	100%	Trở thành Thành viên BKS Nhiệm kỳ 2017-2022 từ ngày 26/4/2017
2	Bà Lê Thị Ngọc	Thành viên	26/04/2017	2/2	100%	
3	Ông Nguyễn Dương Thụ	Thành viên	26/04/2017	2/2	100%	
4	Ông Phạm Huy Hoàng	Trưởng BKS	26/04/2017	0/2	0%	Hết Nhiệm kỳ 2012-2017 từ ngày 26/4/2017
5	Ông Phạm Hồng Điệp	Thành viên	26/04/2017	0/2	0%	
6	Ông Nguyễn Văn Đoàn	Thành viên	26/04/2017	0/2	0%	

2.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2017, BKS đã hoàn thành việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, cụ thể:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017: BKS đã theo dõi chặt chẽ tiến độ triển khai và ghi nhận Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ kế hoạch đề ra trong Nghị quyết bao gồm kế hoạch kinh doanh, tiến độ đầu tư tài sản, phân phối lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS.

- Giám sát tình hình tài chính năm 2017: BKS đã kết hợp chặt chẽ với Kiểm toán nội bộ, trao đổi trực tiếp với kiêm toán độc lập trong các đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 để kịp thời cập nhật, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi Công ty phát hành báo cáo ra công chúng. BKS cho rằng HĐQT đã kịp thời đưa ra định hướng và Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện trách nhiệm cao trong điều hành,

đã chủ động các phương án thực hiện để đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh: thông qua hoạt động của Phòng Kiểm toán, BKS đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính tuân thủ và hiệu quả của Ban lãnh đạo trong thực hiện các quy chế, quy trình sản xuất kinh doanh. Với kết quả kiểm toán nội bộ trong năm 2017, BKS đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được xây dựng và không ngừng được bổ sung, điều chỉnh đảm bảo tăng cường các chốt kiểm soát và phù hợp đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Lãnh đạo Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, các quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công ty trong quá trình quản lý và điều hành.

- Giám sát việc triển khai xây dựng khung quản trị rủi ro ở cấp Công ty: BKS đã tích cực ủng hộ việc xây dựng khung quản trị rủi ro cho hoạt động cốt lõi hiện nay của Công ty (hoạt động bất động sản và hạ tầng giao thông) theo thông lệ tốt nhất. Đây sẽ là tiền đề quan trọng để Công ty tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro cho toàn bộ các hoạt động của Công ty và cho các công ty trong hệ thống. BKS đã tham gia các phiên họp định kỳ với Tiểu Ban Kiểm toán&Quản trị rủi ro, Ban Dự án Quản lý rủi ro để đóng góp ý kiến, giám sát quá trình thực hiện.

2.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS, đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

BKS đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.

BKS đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.4. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát:

Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Trưởng Ban Kiểm soát đã phê duyệt chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

3. Đào tạo về quản trị công ty:

Trong năm 2017, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý đã tham dự các buổi hội thảo và đào tạo: Kỹ năng bán hàng; Quản lý các dự án đầu tư, Quản lý chất lượng, Hội thảo công nghệ mới,...

IV. Thông tin cổ phiếu, quan hệ cổ đông:

1. Cổ phần:

- Tên: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tasco
- Mã chứng khoán: HUT
- Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2017: 251.058.913 cổ phần

Trong đó:

STT	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần lưu hành
1	Cổ phần chuyên nhượng tự do	201.058.913
2	Cổ phần bị hạn chế chuyên nhượng	50.000.000
	Tổng cộng	251.058.913

2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

2.2. Cơ cấu cổ đông:

- Phân loại cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (cổ đông lớn)	73.657.025	29,3
2	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ dưới 5% trở xuống (cổ đông nhỏ)	177.401.888	70,7

- Phân loại cổ đông theo tiêu chí tổ chức và cá nhân:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông là các tổ chức	99.662.758	39,7
2	Cổ đông là cá nhân	151.396.155	60,3

- Phân loại cổ đông trong nước và ngoài nước:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông trong nước	171.690.673	68,4
2	Cổ đông ngoài nước	79.368.240	31,6

- Phân loại cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
2	Cổ đông khác	251.058.913	100%

2.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Đơn vị: Triệu đồng

Thời gian	Vốn điều lệ tại từng thời điểm	Giá trị tăng thêm tại từng thời điểm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Tháng 6/2017	1.904.349	141.055	- Cổ tức năm 2016 trả bằng cổ phiếu (7%) cho cổ đông hiện hữu
Tháng 8/2017	2.404.349	500.000	- Phát hành riêng lẻ 50.000.000 cổ phiếu
Tháng 9/2017	2.510.589	106.240	- Chuyển đổi trái phiếu HUT-CB2015 thành cổ phiếu (lần 2)

2.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**2.5. Các chứng khoán khác:**

Số trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu đang lưu hành vào ngày 31/12/2017:

STT	Loại trái phiếu	Số lượng TP lưu hành
1	Trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu	159.360
2	Trái phiếu không thể chuyển đổi	-
	Tổng cộng	159.360

3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I. Hội đồng quản trị			30.200.892	12,03
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	21.684.863	8,637
2	Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT	1.967.400	0,784
3	Trần Hải Yên	Thành viên HĐQT	2.080.000	0,828
4	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	3.466.628	1,381
5	Nguyễn Việt Tân	Thành viên HĐQT	1.002.001	0,399
II. Ban kiểm soát:			86.460	0,034
6	Bùi Kim Ngân	Trưởng BKS	0	0
7	Lê Thị Ngọc	Thành viên BKS	86.460	0,034
8	Nguyễn Dương Thụ	Thành viên BKS	24	0
III. Ban điều hành:			1.229.712	0,49
9	Nguyễn Văn Dưỡng	Tổng Giám đốc	54.435	0,022

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
10	Nguyễn Dĩnh Siêu	Phó Tổng Giám đốc	223.776	0,089
11	Trương Văn Thinh	Phó Tổng Giám đốc	772.848	0,308
12	Trần Thị Thanh	Kế toán trưởng	178.653	0,071
Tổng cộng			31.517.064	12,55

4. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1.	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	15.448.948	8,761	21.684.863	8,637	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty;
2.	Trần Thị Cúc	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	90.182	0,051	98.688	0,039	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
3.	Phạm Thị Nhài	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	64.512	0,037	69.672	0,028	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
4.	Phạm Thế Hùng	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	27.041	0,015	29.204	0,012	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
5.	Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT	755.000	0,428	1.967.400	0,784	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty;
6.	Lê Quân Càn	NCLQ của ông Phạm Thị Chi	5.643.740	3,201	6.095.238	2,428	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
7.	Phạm Văn Lương	Phó Chủ tịch HĐQT	7.116.184	4,036	8.462.478	3,371	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty; - Thực hiện giao dịch mua/bán trên sàn sau khi không còn là thành viên HĐQT của công ty từ 26/4/2017;

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
8.	Trương Thị Nụ	NCLQ của ông Phạm Văn Lương	10.752	0,006	-	0,000	- Thực hiện giao dịch mua/bán trên sàn sau khi không còn là NCLQ của công ty từ 26/4/2017;
9.	Phạm Thị Hoa	NCLQ của ông Phạm Văn Lương	111	0,000	25.400	0,010	- Thực hiện giao dịch mua/bán trên sàn sau khi không còn là NCLQ của công ty từ 26/4/2017;
10.	Vũ Quang Lâm	Thành viên HĐQT	4.925.515	2,793	4.768.155	1,899	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty; - Thực hiện giao dịch mua/bán trên sàn sau khi không còn là Thành viên HĐQT của công ty từ 26/4/2017;
11.	Phạm Thanh Tâm	NCLQ của ông Vũ Quang Lâm	4.120.136	2,337	1.187.646	0,473	- Thực hiện giao dịch mua/bán trên sàn sau khi không còn là NCLQ của công ty từ 26/4/2017;
12.	Vũ Thị Loan	NCLQ của ông Vũ Quang Lâm	3.897	0,002	4.208	0,002	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
13.	Phạm Thị Nhàn	Thành viên HĐQT	2.619.207	1,485	4.095.743	1,631	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty;
14.	Trần Hải Yến	NCLQ của bà Phạm Thị Nhàn	1.000.000	0,567	2.080.000	0,828	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty;

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
15.	Phạm Thanh Liêm	NCLQ của bà Phạm Thị Nhàn	600.000	0,340	648.000	0,258	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
16.	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	2.998.730	1,701	3.466.628	1,381	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty;
17.	Vũ Duy Hưng	NCLQ của bà Trần Thị Thanh Tân	1.302.976	0,739	1.407.214	0,561	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
18.	Vũ Duy Lộc	NCLQ của bà Trần Thị Thanh Tân	682.000	0,387	736.560	0,293	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
19.	Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT	1.059.577	0,601	664.342	0,265	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Thực hiện giao dịch mua/bán trên sàn sau khi không còn là thành viên HĐQT của công ty từ 26/4/2017;
20.	Cao Thị Hà	NCLQ của ông Nguyễn Ngọc Hùng	448.000	0,254	383.840	0,153	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Thực hiện giao dịch mua/bán trên sàn sau khi không còn là NCLQ của công ty từ 26/4/2017;
21.	Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT	1.000.000	0,567	2.080.000	0,828	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty;

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
22.	Phạm Thị Nhàn	NCLQ của bà Trần Hải Yến	2.619.207	1,485	4.095.743	1,631	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty;
23.	Nguyễn Việt Tân	Thành viên HĐQT			1.002.001	0,399	- Được bầu là thành viên HĐQT từ 26/4/2017; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty;
24.	Lưu Đàm Ngọc Anh	NCLQ của ông Nguyễn Việt Tân			181.440	0,072	Trở thành người có liên quan từ 26/4/2017
25.	Hoàng Hà Phương	Tổng giám đốc	1.097.000	0,622	293.760	0,117	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016; - Mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của công ty; - Thực hiện giao dịch mua/bán trên sàn sau khi không còn là Tổng Giám đốc của công ty từ 10/10/2017;
26.	Đỗ Thị Thúy Hằng	NCLQ của ông Hoàng Hà Phương	493.344	0,280	532.811	0,212	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016 - Không còn là NCLQ của công ty từ 10/10/2017
27.	Nguyễn Văn Dưỡng	Tổng giám đốc			54.435	0,022	Bỏ nhiệm TGĐ từ 10/10/2017
28.	Nguyễn Dĩnh Siêu	Phó Tổng giám đốc	207.200	0,118	223.776	0,089	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
29.	Trương Văn Thịnh	Phó Tổng giám đốc	705.600	0,400	772.848	0,308	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
30.	Trần Thị Thanh	Kế toán trưởng	165.420	0,094	178.653	0,071	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
31.	Lê Anh Vũ	NCLQ của bà Trần Thị Thanh	3.449	0,002	3.724	0,001	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
32.	Phạm Huy Hoàng	Trưởng BKS	6.545	0,004	7.068	0,003	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016 Không còn là NCLQ của công ty từ 26/4/2017
33.	Trần Thị Thu	NCLQ của ông Phạm Huy Hoàng	280.000	0,159	302.400	0,120	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016 Không còn là NCLQ của công ty từ 26/4/2017
34.	Phạm Hồng Địệp	Thành viên Ban Kiểm soát	832.290	0,472	913.272	0,364	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016 Không còn là NCLQ của công ty từ 26/4/2017
35.	Nguyễn Văn Đoàn	Thành viên Ban Kiểm soát	6.719	0,004	7.255	0,003	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016 Không còn là NCLQ của công ty từ 26/4/2017
36.	Lê Thị Ngọc	Thành viên BKS			86.436	0,034	Trở thành người nội bộ từ 26/4/2017
37.	Nguyễn Dương Thụ	Thành viên BKS			24	0,000	Trở thành người nội bộ từ 26/4/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần TASCO đã được kiểm toán:

Địa chỉ công bố, cung cấp Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất:

<http://taric.com.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.789.831.452.027	2.110.035.004.915
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	324.184.082.083	428.688.075.454
1. Tiền	111		120.435.157.462	84.155.056.489
2. Các khoản tương đương tiền	112		203.748.924.621	344.533.018.965
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	246.331.476.176	134.298.370.409
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		246.331.476.176	134.298.370.409
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		995.954.574.876	1.311.592.792.249
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	611.303.376.283	513.538.720.952
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	103.519.118.356	253.385.738.480
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		50.932.232.203	238.920.765.480
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	230.302.895.642	306.368.428.036
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(235.250.000)	(620.860.699)
8. Tài sản thiêu chờ xử lý	139		132.202.392	-
IV. Hàng tồn kho	140		48.421.852.629	41.507.715.279
1. Hàng tồn kho	141	5.7	48.421.852.629	41.507.715.279
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		174.939.466.263	193.948.051.524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	33.278.225.798	733.130.886
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		132.220.976.929	190.288.614.098
3. Thuế và các khoản khác phải thu	153	5.13	9.440.263.536	2.926.306.540
Nhà nước				
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.978.995.180.576	7.209.817.657.567
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		287.293.124.712	339.787.328.285
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	187.543.789.957	250.519.019.957
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	16.180.745.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	102.899.334.755	76.237.563.328
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.6	(3.150.000.000)	(3.150.000.000)
II. Tài sản cố định	220		2.754.790.147.057	2.263.324.433.562
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	2.748.740.929.056	2.262.819.064.887
- Nguyên giá	222		3.505.542.125.050	2.660.889.516.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(756.801.195.994)	(398.070.451.804)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	6.049.218.001	505.368.675
- Nguyên giá	228		7.685.157.188	1.566.862.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.635.939.187)	(1.061.494.213)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	5.367.931.244.796	4.145.822.652.518
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.367.931.244.796	4.145.822.652.518
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	319.652.803.472	325.406.167.622
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		308.522.803.472	314.276.167.622
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.130.000.000	6.130.000.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		248.173.665.813	135.477.075.580
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	248.173.665.813	135.477.075.580
VII. Lợi thế thương mại	269		1.154.194.726	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			10.768.826.632.603	9.319.852.662.482
(270 = 100+200)	270			

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		7.541.439.815.783	6.786.656.136.171
I. Nợ ngắn hạn	310		1.028.185.440.185	1.517.800.792.824
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	525.339.447.213	545.768.292.793
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		92.526.563.231	51.924.418.156
Thuế và các khoản phải nộp	313	5.13	115.872.584.765	158.267.738.027
Nhà nước				
4. Phải trả người lao động	314		21.517.486.075	18.389.944.346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	140.289.088.202	40.444.232.127
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	463.790.823	22.727.272
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	92.718.750.075	380.722.104.553
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	19.299.258.559	301.508.696.730
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	-	6.526.106.489
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		20.158.471.242	14.226.532.331
II. Nợ dài hạn	330		6.513.254.375.598	5.268.855.343.347
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	2.736.363.220	15.158.410.533
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	3.009.079.072	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.15	5.352.249.276	283.659.965
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	1.176.034.606.485	952.103.446.757
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	5.295.353.481.178	4.278.233.378.817
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	30.768.596.367	23.076.447.275
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.227.386.816.820	2.533.196.526.311
I- Vốn chủ sở hữu	410		3.227.386.816.820	2.533.196.526.311
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.19	2.510.589.130.000	1.763.294.160.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.510.589.130.000	1.763.294.160.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.19	85.174.473.675	69.840.926.959
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.19	100.830.835.329	80.771.817.761
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.19	514.859.968.150	502.306.388.914
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		210.028.716.606	101.783.539.232
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		304.831.251.544	400.522.849.682
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.932.409.666	116.983.232.677
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10.768.826.632.603	9.319.852.662.482
(440 = 300+400)				

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	2.195.365.958.836	2.960.463.015.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	17.710.637.515	174.340.359.461
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.177.655.321.321	2.786.122.656.531
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	1.545.476.259.810	1.998.936.509.192
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		632.179.061.511	787.186.147.339
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	37.944.883.607	36.847.213.522
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	5.25	171.266.076.252	199.195.653.870
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		11.271.374.650	19.077.749.465
9. Chi phí bán hàng	25	5.26	31.427.906.265	51.636.099.603
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	109.294.553.354	107.276.061.286
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		369.406.783.897	485.003.295.567
12. Thu nhập khác	31	5.27	7.438.913.505	6.407.688.808
123 Chi phí khác	32	5.28	9.319.286.652	1.720.564.168
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(1.880.373.147)	4.687.124.640
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		367.526.410.750	489.690.420.207
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.29	69.989.630.046	85.762.523.407
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		297.536.780.704	403.927.896.800
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		304.831.251.544	403.235.110.153
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(7.294.470.840)	692.786.647
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.30	1.470	2.728

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	367.526.410.750	489.690.420.207
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư	02	360.568.743.941	177.996.726.361
- Các khoản dự phòng	03	(385.610.699)	8.576.886.016
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.273.250	(415.047)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(49.216.258.257)	(55.924.962.987)
- Chi phí lãi vay	06	167.990.860.226	185.782.553.870
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	846.485.419.211	806.121.208.420
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	198.598.084.831	(210.655.272.629)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.914.137.350)	14.877.050.098
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(87.882.281.965)	387.235.506.154
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(145.241.685.145)	(87.892.952.841)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(239.416.630.533)	(185.782.553.870)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(87.841.419.375)	(75.776.496.608)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	28.233.508	4.902.687.957
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(645.463.066)	(4.524.361.957)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	477.170.120.116	648.504.814.724
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.205.292.495.366)	(1.858.918.764.739)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.045.888.700	873.111.086
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(711.915.757.860)	(1.111.981.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	742.972.536.137	774.582.462.253
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(78.753.673.464)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cỗ tức và lợi nhuận được chia	27	44.307.062.952	104.566.680.261
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(2.200.636.438.901)	(2.090.877.511.139)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	524.755.528.889	513.066.830.000
Trong đó: Từ cổ đông không kiểm soát	31a	9.730.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.865.467.970.206	1.799.067.319.936
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(654.127.153.406)	(853.768.510.279)
6. Cỗ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(117.134.020.275)	(164.184.997.265)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	1.618.962.325.414	1.294.180.642.392
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)</i>	50	(104.503.993.371)	(148.192.054.023)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	428.688.075.454	576.880.129.477
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)</i>	70	324.184.082.083	428.688.075.454

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyên sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần 21 ngày 12 tháng 10 năm 2017. Vốn điều lệ của Công ty là 2.510.589.130.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TASCO JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCO

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2017: 156 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cầu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; Tư vấn quản lý dự án công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng; Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kỹ thuật thi công công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, cầu đường bộ; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017: Kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đầu tư vào công ty con hoạt động lĩnh vực BOT, dịch vụ y tế, quản lý.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu/biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
	Công ty con			
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51	Khai thác VLXD
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	99,97	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần VETC	Hà Nội	97,82	Dịch vụ
4	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	Xây lắp
5	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	Hạ tầng GT
6	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	Hạ tầng GT
7	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	100	Hạ tầng GT
8	Công ty TNHH T'Hospital	Hà Nội	100	Đầu tư bệnh viện
9	Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn Tasedu	Hà Nội	100	Đào tạo
10	Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Hà Nội	97,82	Thu phí
11	Công ty Cổ phần Bệnh viện mắt Hà Nội cơ sở 2	Hà Nội	67	Y tế
12	Công ty TNHH An Nhiên Food	Hòa Bình	100	Nông nghiệp
13	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Hà Nội	100	Dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

14	Công ty Cổ phần Tasco Năng lượng	Ninh Thuận	99	Điện năng
15	Công ty Cổ phần Bệnh viện Nắng Mai	Hà Nội	51	Dịch vụ, Y tế
Công ty liên doanh, liên kết				
1	Công ty Cổ phần BDS Thái An	Hà Nội	30	Kinh doanh BDS
2	Công ty Cổ phần Tasco Thăng Long	Hà Nội	30	Kinh doanh BDS
3	Công ty Cổ phần D-Tech	Hà Nội	20	Khai thác VLXD
4	Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	Hà Nội	35,4	Xây lắp
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng -Phú Thọ	Phú Thọ	30	Hạ tầng GT

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã ban hành các văn bản liên quan đến cấu trúc Công ty như sau:

Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 01 năm 2017 về việc đầu tư Dự án thực phẩm sạch tại xã Hợp Thành, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình và mua lại toàn bộ vốn góp của Bà Đỗ Thị Hồng Việt tại Công ty TNHH MTV Malarica để triển khai đầu tư, khai thác dự án.

Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 03 năm 2017 về việc thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco.

Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 06 năm 2017 về việc tăng vốn góp và tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần VETC, theo đó tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần VETC tăng từ 51% lên 97,82%.

Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 10 năm 2017 về việc Tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH T'Hospital từ 20 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 10 năm 2017 của HĐQT về việc góp vốn thành lập, cử người đại diện theo ủy quyền tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Nắng Mai.

Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐQT ngày 15/12/2017 về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tasco Năng lượng với phân vốn góp của Tasco chiếm 99% vốn điều lệ.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHÉ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ché độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Ché độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty Mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiểu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền: Là các các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tồn thắt dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tồn thắt các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tồn thắt căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý: Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm 2017	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Tài sản cố định khác là tài sản hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức BOT gồm dự án BOT quốc lộ 10 và dự án BOT quốc lộ 21, được phản ánh ban đầu theo giá trị đầu tư và trích khấu hao theo tỷ trọng doanh thu theo văn bản hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng ước tính từ 3 đến 8 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty gồm công cụ dụng cụ, chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng và chi phí khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được dòi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mức kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong năm, Công ty có 255.652.060.051 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà

Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng nhóm Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác, đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ thu phí đường bộ trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.499.748.034	5.153.429.454
Tiền gửi ngân hàng	118.935.409.428	79.001.627.035
Các khoản tương đương tiền	203.748.924.621	344.533.018.965
- <i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	203.748.924.621	344.533.018.965
Tổng	324.184.082.083	428.688.075.454

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2017	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	01/01/2017
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	246.331.476.176	246.331.476.176	134.298.370.409	134.298.370.409
Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Trái phiếu	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	251.331.476.176	251.331.476.176	139.298.370.409	139.298.370.409

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	308.522.803.472	314.276.167.622
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	220.000.711.691	228.722.156.268
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng-Phú Thọ	71.225.774.878	69.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Thái An	14.055.619.771	13.309.915.911
Công ty CP Tasco Thăng Long	1.780.700.030	1.784.098.341
Công ty CP D - Tech	1.459.997.102	1.459.997.102
Đầu tư vào đơn vị khác	6.130.000.000	6.130.000.000
Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Cotabig	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần TIC	1.330.000.000	1.330.000.000
Tổng	314.652.803.472	320.406.167.622

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	611.303.376.283	513.538.720.952
Ban QLDA GT - Sở GTVT Thái Bình	35.131.999	36.182.746.138
Ban QLDA ĐTXD các công trình NN& PTNT tỉnh Thái Bình	20.017.127.000	20.017.127.000
Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định	29.965.993.350	66.645.993.350
Ban quản lý Dự án 6	31.467.808.274	28.965.140.170
Phải thu các đối tượng khác	529.817.315.660	361.727.714.294
Phải thu khách hàng dài hạn	187.543.789.957	250.519.019.957
Sở GTVT tỉnh Thái Bình	187.543.789.957	250.519.019.957
Tổng	798.847.166.240	764.057.740.909

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	103.519.118.356	253.385.738.480
Công ty CP TIC (Cty CP Thành Công 5)	25.848.444.198	25.848.444.198
Trung tâm phát triển quỹ đất H.Kiến Xương	3.785.494.023	26.056.731.552
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	-	45.934.495.351
Trả trước cho đối tượng khác	73.885.180.135	155.546.067.379
Tổng	103.519.118.356	253.385.738.480

5.5 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	230.302.895.642	(70.000.000)	306.368.428.036	-
Phải thu cỗ tức, lợi nhuận được chia	-	-	6.153.983.574	-
Ký cược, ký quỹ	73.970.000	-	99.470.000	-
Tạm ứng	106.483.234.182	-	30.263.010.737	-
Phải thu khác	123.745.691.460	-	269.851.963.725	-
<i>Ban QLDA Quận Nam Từ Liêm</i>	<i>9.411.831.881</i>		<i>27.284.014.016</i>	
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm</i>	<i>3.658.391.981</i>		<i>11.616.738.417</i>	
<i>UBND Quận Nam Từ Liêm</i>	<i>48.324.177.720</i>		<i>-</i>	
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	<i>62.351.289.878</i>	<i>(70.000.000)</i>	<i>230.951.211.292</i>	-
Dài hạn	102.899.334.755	(3.150.000.000)	76.237.563.328	(3.150.000.000)
- Ký cược, ký quỹ	3.521.190.000	(3.150.000.000)	3.652.528.023	(3.150.000.000)
- Phải thu khác	99.378.144.755	-	72.585.035.305	-
Tổng	333.202.230.397	(3.220.000.000)	382.605.991.364	(3.150.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.6 Nợ xấu

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2016	01/01/2016
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	3.385.250.000	- 3.770.860.699
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Sao Tím	-	24.750.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế XDCT & TM AET	-	130.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	70.000.000
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	10.500.000
Dài hạn		
Công ty IT Fusion	3.150.000.000	-
Tổng	3.150.000.000	235.250.000

5.7 Hàng tồn kho

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2017	01/01/2017
	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.793.279.829	- 1.217.476.354
Công cụ, dụng cụ	18.550.710.530	- 1.162.639.091
Chi phí SX KDDD	20.987.750.645	- 35.213.100.481
Thành phẩm	445.494.808	- 350.999.290
Hàng hóa	2.644.616.817	- 3.563.500.063
Tổng	48.421.852.629	- 41.507.715.279

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	26.285.074.127	8.626.198.090	30.121.631.634	10.285.798.298	2.585.570.814.542	2.660.889.516.691
Tăng trong năm	9.438.846.209	120.546.029.503	10.367.217.011	776.635.042	715.012.536.685	856.141.264.450
Mua trong năm	8.200.762.599	120.474.315.218	10.367.217.011	776.635.042	58.596.590.841	198.415.520.711
Tăng từ ĐTXDCB hoàn thành	-	-	-	-	656.415.945.844	656.415.945.844
Tăng do hợp nhất	1.238.083.610	71.714.285	-	-	-	1.309.797.895
Giảm trong năm	-	68.000.000	11.420.656.091	-	-	11.488.656.091
Thanh lý, nhượng bán	-	68.000.000	11.420.656.091	-	-	11.488.656.091
Số dư tại 31/12/2017	35.723.920.336	129.104.227.593	29.068.192.554	11.062.433.340	3.300.583.351.227	3.505.542.125.050
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2017	14.360.528.661	4.532.266.445	11.022.362.264	5.651.343.165	362.503.951.269	398.070.451.804
Tăng trong năm	1.310.004.229	5.255.395.763	4.224.174.791	731.377.387	350.893.761.589	362.414.713.759
Khấu hao trong năm	1.273.640.580	5.183.681.478	4.224.174.791	731.377.387	350.893.761.589	362.306.635.825
Tăng do hợp nhất	36.363.649	71.714.285	-	-	-	108.077.934
Giảm trong năm	-	38.857.137	3.645.112.432	-	-	3.683.969.569
Thanh lý, nhượng bán	-	38.857.137	3.645.112.432	-	-	3.683.969.569
Số dư tại 31/12/2017	15.670.532.890	9.748.805.071	11.601.424.623	6.382.720.552	713.397.712.858	756.801.195.994
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	11.924.545.466	4.093.931.645	19.099.269.370	4.634.455.133	2.223.066.863.273	2.262.819.064.887
Tại 31/12/2017	20.053.387.446	119.355.422.522	17.466.767.931	4.679.712.788	2.587.185.638.369	2.748.740.929.056

Trong đó:

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 13.218.762.767 đồng.

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.168.877.502 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	102.878.251	1.463.984.637	1.566.862.888
Tăng trong năm	-	6.118.294.300	6.118.294.300
Mua trong năm	-	6.118.294.300	6.118.294.300
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	102.878.251	7.582.278.937	7.685.157.188
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	42.960.000	1.018.534.213	1.061.494.213
Tăng trong năm	4.286.592	570.158.382	574.444.974
Khấu hao trong năm	4.286.592	570.158.382	574.444.974
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	47.246.592	1.588.692.595	1.635.939.187
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	59.918.251	445.450.424	505.368.675
Tại 31/12/2017	55.631.659	5.993.586.342	6.049.218.001

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 541.261.637 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Mua sắm tài sản cố định	14.498.375.745	3.506.405.509
Xây dựng cơ bản dở dang	5.353.432.869.051	4.142.316.247.009
Dự án Khu đô thị Pháp Vân	11.625.912.786	89.965.822.877
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	-	39.518.200.007
Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70 theo hình thức BT	1.056.055.016.532	961.756.394.942
Dự án xây dựng nhà ở cho CB Báo Nhân dân và Văn phòng TW Đảng (Xuân Phương Residence)	265.646.937.117	235.949.683.580
Dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương - Foresa villa (dự án hoàn vốn BT Lê Đức Thọ)	389.207.967.585	184.626.798.292
Dự án Khu đô thị mới Văn Canh - Hoài Đức	267.085.363.422	266.895.933.254
Dự án 48 Trần Duy Hưng quận Cầu Giấy (hoàn vốn cho dự án BT Lê Đức Thọ)	4.192.069.760	2.538.487.409
Dự án Tỉnh lộ 39	34.356.383.254	21.700.434.391
Dự án quốc lộ BOT39	267.322.632.488	394.971.527.498
Dự án Trụ sở VP, khu TT CBNV Nam Thái	6.715.131.467	6.715.131.467
Dự án BOT Quảng Bình	5.079.454.315	119.679.188.726
Dự án xây dựng Trạm thu phí Mỹ Lộc theo hình thức hợp đồng BOT (BOT21)	-	58.379.860.986
Dự án Đơn vị ở 1 - KĐT Mỹ Đình Nam Từ Liêm (dự án hoàn vốn cho BT Lê Đức Thọ)	13.503.144.985	4.360.782.799
Dự án QL 10 từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn	2.330.376.555.185	1.225.263.830.889
Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe	677.620.542.075	516.261.007.037
Các dự án đầu tư bệnh viện	13.246.061.876	-
Các dự án khác	11.399.696.204	13.733.162.855
Tổng	5.367.931.244.796	4.145.822.652.518

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	33.278.225.798	733.130.886
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.095.739.631	245.452.000
Chi phí lãi vay	29.364.486.931	-
Chi phí khác	817.999.236	487.678.886
Dài hạn	248.173.665.813	135.477.075.580
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	50.042.522.460	3.344.345.320
Chi phí lãi vay	182.219.662.539	113.751.332.624
Chi phí khác	15.911.480.814	18.381.397.636
Tổng	281.451.891.611	136.210.206.466

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.12 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	15.354.738.020	15.354.738.020	28.453.660.116	28.453.660.116
Công ty TNHH Hợp Tiến	1.129.505.703	1.129.505.703	2.313.125.987	2.313.125.987
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	15.952.688.257	15.952.688.257	48.884.671.362	48.884.671.362
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	22.400.426.189	22.400.426.189	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim	18.333.567.223	18.333.567.223	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật	14.792.762.891	14.792.762.891	-	-
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	96.610.007.180	96.610.007.180	74.780.728.053	74.780.728.053
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	7.931.347.269	7.931.347.269	46.391.279.750	46.391.279.750
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	49.612.317.000	49.612.317.000	144.011.731.650	144.011.731.650
Phải trả đối tượng khác	283.222.087.481	283.222.087.481	200.933.095.875	200.933.095.875
b. Dài hạn	2.736.363.220	2.736.363.220	15.158.410.533	15.158.410.533
- Phải trả đối tượng khác	2.736.363.220	2.736.363.220	15.158.410.533	15.158.410.533
Tổng	528.075.810.433	528.075.810.433	560.926.703.326	560.926.703.326

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2017
Phải nộp	158.267.738.027	365.963.773.428	408.358.926.690	115.872.584.765
Thuế giá trị gia tăng	109.497.558.634	274.572.823.595	314.803.705.951	69.266.676.278
Thuế TNDN	47.280.356.660	76.153.608.756	78.561.342.059	44.872.623.357
Thuế thu nhập cá nhân	1.137.178.984	14.325.978.489	13.745.258.950	1.717.898.523
Thuế tài nguyên, Thuế nhà đất, tiền thuê đất		554.445.520	551.245.520	3.200.000
Thuế khác	352.643.749	356.917.068	697.374.210	12.186.607
Phải thu	2.926.306.540	2.769.477.910	9.283.434.906	9.440.263.536
Thuế GTGT nộp thừa	96.933.800			96.933.800
Thuế TNDN nộp thừa	2.829.372.740	2.769.477.910	9.280.077.316	9.339.972.146
Thuế khác nộp thừa	-	-	3.357.590	3.357.590

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước giá vốn các Dự án BDS	110.799.528.383	13.310.749.578
Trích trước lãi trái phiếu chuyển đổi, lãi vay	27.800.377.551	19.378.209.890
Chi phí phải trả khác	1.689.182.268	7.755.272.659
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	3.009.079.072	-
Tổng	143.298.167.274	40.444.232.127

5.15 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	463.790.823	22.727.272
Dài hạn		
Doanh thu nhận trước	5.352.249.276	283.659.965
Tổng	5.816.040.099	306.387.237

5.16 Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	92.718.750.075	380.722.104.553
Kinh phí công đoàn	303.936.901	-
Bảo hiểm xã hội	401.854.640	252.000.091
Bảo hiểm y tế	112.114.228	180.287.156
Bảo hiểm thất nghiệp	98.065.732	30.892.194
Cố tức, lợi nhuận phải trả	41.524.895	13.835.421
Phải trả, phải nộp khác	9.395.752.220	7.054.031.620
Dài hạn	1.176.034.606.485	952.103.446.757
Phải trả về góp vốn thực hiện Dự án	376.475.300.000	388.934.300.000
Phải trả tiền vay	125.300.800.000	127.100.800.000
Phải trả tiền đặt cọc	36.309.524.136	87.045.214.530
Chi phí sử dụng đất DA khu nhà ở sinh thái Xuân Phương - đồi trừ dự án BT Lê Đức Thọ	631.485.168.980	332.362.670.049
Phải trả dài hạn khác	6.463.813.369	16.660.462.178
Tổng	1.268.753.356.560	1.332.825.551.310

Trong đó:

Phải trả dài hạn về góp vốn thực hiện dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt
góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư
tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường
70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT).

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Các khoản vay

	31/12/2017	Trong năm		01/01/2017	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	19.299.258.559	19.299.258.559	209.076.109.907	491.285.548.078	301.508.696.730
+ Ngân hàng SHB -CN Thăng Long	6.343.958.603	6.343.958.603	49.362.405.888	66.021.421.007	23.002.973.722
+ Ngân hàng BIDV - CN SGD3	-	-	57.758.166.330	321.814.157.508	264.055.991.178
+ Ngân hàng VCB - CN Hà Nội	-	-	17.408.332.903	17.408.332.903	-
+ Vay đối tượng khác	12.955.299.956	12.955.299.956	84.547.204.786	86.041.636.660	14.449.731.830
Vay dài hạn	5.136.975.669.979	5.136.975.669.979	1.771.051.916.040	649.001.398.744	4.014.925.152.683
+ Ngân hàng BIDV - CN Nam Định	1.980.363.451.945	1.980.363.451.945	22.675.025.906	257.053.787.201	2.214.742.213.240
<i>Vay cho dự án BOT</i>	<i>1.770.190.536.604</i>	<i>1.770.190.536.604</i>	<i>22.675.025.906</i>	<i>51.670.000.000</i>	<i>1.799.185.510.698</i>
<i>Vay cho dự án BT</i>	<i>210.172.915.341</i>	<i>210.172.915.341</i>	-	<i>205.000.000.001</i>	<i>415.172.915.342</i>
<i>Vay cho hoạt động khác</i>	-	-	-	<i>383.787.200</i>	<i>383.787.200</i>
+ Ngân hàng PT Việt Nam - CN Nam Định <i>(Vay cho dự án BOT)</i>	567.343.592.422	567.343.592.422	174.691.194.000	172.337.738.578	564.990.137.000
+ Ngân hàng BIDV - CN SGD3 <i>(Vay cho dự án thu phí không dùng)</i>	567.132.526.923	567.132.526.923	567.132.526.923	-	-
+ Ngân hàng TPBank - CN Tây Hà Nội <i>(Vay cho dự án Bệnh viện mắt - CS2)</i>	936.398.405	936.398.405	1.160.000.000	223.601.595	-
+ Ngân hàng VCB- CN Hà Nội <i>(Vay cho dự án BOT)</i>	1.891.767.060.512	1.891.767.060.512	778.088.340.439	120.914.082.370	1.234.592.802.443
+ Ngân hàng Vietinbank- CN Hà Nội <i>(Vay cho dự án Bệnh viện mắt - CS2)</i>	125.856.234.772	125.856.234.772	125.856.234.772	-	-
+ Vay đối tượng khác	3.576.405.000	3.576.405.000	101.448.594.000	98.472.189.000	600.000.000
Tổng	5.156.274.928.538	5.156.274.928.538	1.980.128.025.947	1.140.286.946.822	4.316.433.849.413

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**Thông tin cho các khoản vay ngắn hạn:**

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn mức số 116/HĐHM-PN/SHB.110600 ngày 27/4/2017, mức dư nợ tối đa: 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, hời hạn 12 tháng kể từ ngày 27/4/2017, lãi suất vay thả nổi.

Thông tin cho các khoản vay dài hạn:**Các khoản vay dài hạn cho các dự án BOT:**

Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BOT. Nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo Hợp đồng BOT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Công ty đang quản lý, đầu tư các Dự án BOT: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình (BOT10); Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10 (BOT21); Dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình; dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng.

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong cùng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong cùng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 02/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 08/01/2014, số tiền vay tối đa 173.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, thời gian trả nợ gốc 114 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong cùng thời kỳ.

+ Hợp đồng tín dụng đầu tư Nhà nước số 02/2016/HĐTDĐT-NHPT ngày 02/06/2016, số tiền vay tối đa 369.000.000.000 đồng, thời hạn vay 78 tháng, thời gian ân hạn tối đa 15 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Mục đích sử dụng tiền vay: để đầu tư dự án: " Đầu tư bổ sung tuyến tránh thị trấn Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trên Quốc lộ 10 (Km92+900 đến Km98+400) đoạn từ cầu Tân Đệ đến cầu La Uyên. Lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong cùng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

+ Hợp đồng số 01/2013/HĐTD/BIDV-TASCO tháng 11/2013 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 1.531.000.000.000 đồng, thời hạn vay 19,5 năm, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần và được xác định vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của Lãi suất tham chiếu cộng ba phần trăm một năm (3,5%/năm), nhưng không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 02/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 22/05/2015 ký giữa Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty CP Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 435.700.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không vượt quá ngày 01/01/2016 hoặc khi dự án có doanh thu. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo hình thức Hợp đồng BOT, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/VCBHN-TASCO ngày 15 tháng 10 năm 2015, số tiền vay 2.333.580.000.000 đồng, thời gian vay 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (nhưng không dài hơn 06 tháng trước ngày kết thúc thời gian thu phí của dự án), thời gian ân hạn gốc là 28 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 188 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay: để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng, theo hình thức Hợp đồng BOT. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BT:

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 09 tháng 03 năm 2015, số tiền vay tối đa 970.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn tối đa 24 tháng kể từ khi giải

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nồi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)Các khoản vay dài hạn cho Dự án thu phí không dừng:

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 3
 - + Hợp đồng số 01/2017/232424/HĐTD ngày 24/5/2017, hạn mức tín dụng 1.275.194.000.000 đồng, thời hạn vay 147 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 27 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời hạn trả nợ gốc là 120 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án: Thu phí tự động không dừng và kiềm soát tài trọng xe trên toàn quốc- Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ và đường HCM qua tây nguyên theo hình thức hợp đồng BOO. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nồi, điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện mắt Hà Nội - Cơ sở 2:

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội:
 - + Hợp đồng số 01/2017-HDDCVDADDT/NHCT106/BVMHN ngày 02/6/2017, số tiền vay tối đa 135.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng tiền vay: để đầu tư dự án Bệnh viện mắt Hà Nội – cơ sở 2, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm (theo chương trình cho vay đầu tư phát triển y tế - nhóm 1), cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ tối thiểu 2,0%/năm.
- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Tây Hà Nội
 - + Hợp đồng số 103/2017/HDTD/HDG/01, số tiền vay 1.160.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng tiền vay: mua xe ô tô đưa đón bệnh nhân, lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 10/4/2018 là 7,8%. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở VND kỳ hạn 03 tháng cho khách hàng doanh nghiệp của TPbank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,7%/năm.

b. Trái phiếu phát hành

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Kỳ hạn	Giá trị	Kỳ hạn
- Loại phát hành theo mệnh giá (1)	159.360.000.000	3 năm	265.600.000.000	3 năm
- Chi phí phát hành trái phiếu (2)	982.188.801	-	2.291.773.866	-
Giá trị thu được {(3)=(1)-(2)}	158.377.811.199		263.308.226.134	

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Trong đó: Thông tin về trái phiếu phát hành như sau:

Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu. Mã trái phiếu: HUT-CB2015. Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ. Số lượng trái phiếu phát hành: 500.000 trái phiếu. Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 đồng. Tổng mệnh giá phát hành: 500.000.000.000 đồng. Thời điểm phát hành: 24/9/2015. Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm. Thời điểm và tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu dự kiến: Vào ngày tròn năm thứ nhất: trái chủ được chuyển đổi 20% giá trị trái phiếu sở hữu; Vào ngày tròn năm thứ hai: trái chủ được chuyển đổi thêm 40% giá trị trái phiếu sở hữu; Vào ngày đáo hạn của trái phiếu: Trái chủ được chuyển đổi toàn bộ giá trị trái phiếu sở hữu còn lại; Tại mỗi kỳ chuyển đổi, nếu trái chủ không thực hiện chuyển đổi hoặc chỉ thực hiện chuyển đổi một phần thì có quyền thực hiện chuyển đổi phần còn lại tại kỳ chuyển đổi tiếp theo. Quyền chuyển đổi: Quyền chuyển đổi thuộc về trái chủ. Phương thức thanh toán lãi và gốc trái phiếu: Lãi trái phiếu được thanh toán 06 tháng/lần; Gốc trái phiếu không được chuyển đổi sẽ được thanh toán 01 lần bằng mệnh giá vào ngày đáo hạn. Lãi Trái phiếu thả nỗi: Được xác định bằng trung bình cộng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ niêm yết công khai, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm: (i) BIDV – Sở giao dịch I; (ii) Vietinbank – Sở giao dịch, (iii) Vietcombank – chi nhánh Hà Nội; (iv) OCB sở giao dịch tại ngày xác định lãi suất + Biên độ 3%. Giá chuyển đổi trái phiếu: Bằng 80% giá bình quân của 10 phiên giao dịch cổ phiếu liên tiếp trước ngày bắt đầu thực hiện chuyển đổi nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Năm 2017, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 106.240 trái phiếu thành 10.624.000 cổ phiếu.

5.18 Dự phòng phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Chi phí trung tu, đại tu cầu đường của BOT QL10, QL21	-	6.526.106.489
Dài hạn	30.768.596.367	23.076.447.275
Chi phí đại tu BOT QL21	30.768.596.367	23.076.447.275
Tổng	30.768.596.367	29.602.553.764

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đôi chiêu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	1.284.047.330.000	70.238.348.433	72.781.820.671	291.843.960.332	1.718.911.459.436
Tăng trong năm					
Tăng vốn	479.246.830.000	-	-	-	479.246.830.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	7.989.997.090	-	7.989.997.090
Lãi trong năm	-	-	-	403.235.110.153	403.235.110.153
Giảm trong năm					
Trích lập các quỹ	-	-	-	15.968.400.000	15.968.400.000
Chia trả cổ tức cho CD Cty Mẹ	-	-	-	174.092.021.100	174.092.021.100
Giảm khác	-	397.421.474	-	2.712.260.471	3.109.681.945
Số dư tại 31/12/2016	1.763.294.160.000	69.840.926.959	80.771.817.761	502.306.388.914	2.416.213.293.634
Số dư tại 01/01/2017	1.763.294.160.000	69.840.926.959	80.771.817.761	502.306.388.914	2.416.213.293.634
Tăng trong kỳ					
Tăng vốn	747.294.970.000	25.000.000.000	-	-	772.294.970.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	304.831.251.544	304.831.251.544
Phân phối lợi nhuận	-	-	20.059.017.568	-	20.059.017.568
Tăng khác	-	-	-	266.888.892	266.888.892
Giảm trong kỳ					
Trích lập các quỹ	-	-	-	28.059.000.000	28.059.000.000
Chia trả cổ tức cho CD Cty Mẹ	-	-	-	264.485.561.200	264.485.561.200
Giảm khác (*)	-	9.666.453.284	-	-	9.666.453.284
Số dư tại 31/12/2017	2.510.589.130.000	85.174.473.675	100.830.835.329	514.859.968.150	3.211.454.407.154

(*) Thặng dư vốn cổ phần giảm do chi phí tư vấn và chi phí khác liên quan đến phát hành cổ phiếu, phí đăng ký, quản lý niêm yết chứng khoán bổ sung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của cổ đông khác	2.510.589.130.000	1.763.294.160.000
Tổng	2.510.589.130.000	1.763.294.160.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	1.763.294.160.000	1.284.047.330.000
Vốn góp tăng trong kỳ	747.294.970.000	479.246.830.000
Vốn góp tại cuối kỳ	2.510.589.130.000	1.763.294.160.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	264.485.561.200	174.092.021.100

d. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	251.058.913	176.329.416
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	251.058.913	176.329.416
Cổ phiếu phổ thông	251.058.913	176.329.416
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	251.058.913	176.329.416
Cổ phiếu phổ thông	251.058.913	176.329.416
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Cổ tức

Trong năm 2017 Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết:

Trong năm 2017 Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 08/07/2017 về việc chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15%. Trong đó, chi trả bằng tiền mặt 7%, cổ tức bằng cổ phiếu 8%.

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	100.830.835.329	80.771.817.761

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**Nợ khó đòi đã xử lý**

STT	Khách nợ	Số tiền nợ (VND)
1	Công ty TNHH Lưu Thảo Vy	124.000.000
2	Ban QLDA NN&PT NT Nam Định	27.658.859
3	VP Hội Đồng ND-UBND tỉnh Nam Định	29.804.000
4	UBND huyện Trực Ninh	30.914.000
5	Công ty CP XD Thủy lợi Ninh Bình	198.469.912
6	Công ty CP Tàu thủy Hoàng Anh	61.600.000
7	Ban QLDA Đầu tư XD - Thị xã Phủ Lý	34.135.000
8	Công ty CP Đầu tư & XD HUD 3	42.451.250
9	Công ty ĐTXD phát triển đô thị số 4	49.001.450
10	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sông Đà	364.262.853
11	Công ty CP TV XD Hà Tây	107.883.300
12	Công ty CP XD CT đô thị Nam Định	18.337.885
13	Công ty CP Đầu tư XD Việt Nhật	35.938.875
14	Phạm Đăng Khởi	11.649.400
15	Vũ Văn Dũng	27.694.731
16	Phạm Văn Toàn	22.165.608
17	Trần Thị Bích Hạnh	19.288.000
18	Ban QLDA đầu tư XD huyện Hải Hậu	20.000.000
19	UBND huyện Giao Thủy	75.681.173
20	BQL Dự án Khu vực tỉnh TP Nam Định	49.901.000
21	Công ty CP Licogi 13	325.974.526
22	Công ty CP PTMT KCN & Đô thị Việt Nhật	109.450.000
23	Công ty CP Tư vấn công trình và kỹ nghệ đỉnh cao	59.854.000
Tổng		1.846.115.822

Nguyên nhân đã xóa sổ kế toán nợ khó đòi: Khách nợ không có khả năng chi trả.

5.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu hoạt động thu phí	576.443.384.462	446.619.294.543
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	139.633.483.697	249.027.712.644
Doanh thu hợp đồng xây dựng	123.373.712.245	118.025.213.994
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	1.355.915.378.432	2.146.790.794.811
Tổng	2.195.365.958.836	2.960.463.015.992

5.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giảm giá hàng bán	15.386.267.054	29.506.094.889
Hàng bán bị trả lại	2.324.370.461	144.834.264.572
Tổng	17.710.637.515	174.340.359.461

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.23 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hoạt động thu phí	390.662.371.141	207.666.948.715
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	125.242.412.895	222.631.754.810
Giá vốn hợp đồng xây dựng	99.107.453.312	83.735.279.905
Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	930.464.022.462	1.484.902.525.762
Tổng	1.545.476.259.810	1.998.936.509.192

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.952.691.260	35.947.213.522
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.770.731.608	900.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	221.460.739	-
Tổng	37.944.883.607	36.847.213.522

5.25 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	167.990.860.226	185.782.553.870
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.275.216.026	13.413.100.000
Tổng	171.266.076.252	199.195.653.870

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.26 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí bán hàng	31.427.906.265	51.636.099.603
Chi phí nhân viên	5.073.363.004	6.005.842.093
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.753.786	8.844.000
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	997.120.944	294.188.198
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.943.417	2.897.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.849.607.876	5.433.904.163
Chi phí bằng tiền khác	21.449.117.238	39.890.423.729
Chi phí quản lý	109.294.553.354	107.276.061.286
Chi phí nhân viên quản lý	44.797.172.973	32.845.124.458
Chi phí vật liệu quản lý	984.552.620	24.561.025
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.965.613.124	2.563.545.767
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.917.761.068	4.538.763.874
Thuế phí và lệ phí	375.637.872	472.194.864
Chi phí dự phòng	235.250.000	1.162.374.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.681.920.327	17.395.465.077
Chi phí bằng tiền khác	34.336.645.370	48.274.031.695
Tổng	140.722.459.619	158.912.160.889

5.27 Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý tài sản	5.538.878	87.752.130
Thu phạt hợp đồng	1.832.889.452	4.554.355.298
Thu nhập từ cho thuê tài sản	1.540.909.268	431.648.022
Thu nhập khác	4.059.575.907	1.333.933.358
Tổng	7.438.913.505	6.407.688.808

5.28 Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá trị còn lại của tài sản	-	74.183.546
Chi phí khác	9.319.286.652	1.646.380.622
Tổng	9.319.286.652	1.720.564.168

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	69.989.630.046	85.762.523.407
Tổng	69.989.630.046	85.762.523.407

5.30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ (VND)	304.831.251.544	403.235.110.153
Các khoản điều chỉnh		
- Điều chỉnh giảm do trích quỹ KTPL (*)	-	(8.000.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	304.831.251.544	395.235.110.153
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	207.402.632	144.864.174
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.470	2.728

Trong đó:

(*): Trình bày lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 do phân phối chính thức lợi nhuận 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2017. Trong đó, trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 là 8.000.000.000 đồng.

Năm 2017, Công ty chưa có Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông về phân phối lợi nhuận năm 2017 nên số liệu để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa bao gồm khoản giảm do trích quỹ Khen thưởng phúc lợi.

5.31 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.813.428.751	53.441.992.367
Chi phí nhân công	123.420.296.577	61.571.083.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	362.881.080.799	172.389.549.768
Chi phí dự phòng	235.250.000	836.400.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.352.108.800	126.488.923.914
Chi phí khác bằng tiền	68.306.682.970	106.594.355.113
Tổng	763.008.847.897	521.322.304.298

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

	Tính chất giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	9.849.958.906	4.970.506.335
Tổng		9.849.958.906	4.970.506.335

Giao dịch khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Giao dịch bán hàng			
Phạm Quang Dũng	Chủ tịch	2.640.154.073	50.818.414.652
Phạm Thị Chi	Ủy viên	-	9.094.639.232
Trần Thị Thanh Tân	Ủy viên	-	7.682.353.580
Vũ Duy Hưng	Người có liên quan với thành viên HĐQT	-	8.286.559.129

Số dư với với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu khác dài hạn			
Phạm Thị Nhài	Người có liên quan với thành viên HĐQT	68.030.067.270	49.476.412.560
		68.030.067.270	49.476.412.560

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
1. Các khoản phải thu	1.664.514.800	54.103.643.725
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	1.515.400.000	1.515.400.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	47.850.000	148.500.000
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	101.264.800	351.264.800
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	-	6.153.983.574
<i>Trả trước cho người bán</i>		
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	-	45.934.495.351
2. Các khoản phải trả	97.227.975.785	75.398.696.658
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	617.968.605	617.968.605
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	96.610.007.180	74.780.728.053

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giao dịch mua		
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	541.715.389.396	263.269.165.175

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6.3 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác, dịch vụ thu phí đường bộ và Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản.

Đơn vị tính: VND

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2017

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	4.307.491.019	1.514.950.194.387	715.688.952.510	2.234.946.637.916
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	28.377.795.646
Xây dựng cơ bản dở dang		4.145.822.652.518		4.145.822.652.518
Các khoản phải thu	493.434.327.231	1.097.009.144.840	60.936.648.463	1.651.380.120.534
Hàng tồn kho	41.507.715.279	-	-	41.507.715.279
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	5.068.582.284	146.440.808.793	177.915.736.027	329.425.127.104
Tài sản không thể phân bổ		-	-	888.392.613.485
Tổng tài sản				9.319.852.662.482
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	296.698.892.575	1.548.660.978.632	307.340.458.977	2.152.700.330.184
Phải trả tiền vay	568.996.922.864	2.544.302.132.787	1.488.817.984.331	4.602.117.039.982
Nợ phải trả không phân bổ				31.838.766.005
Tổng nợ phải trả				6.786.656.136.171

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	363.523.390.638	2.146.790.794.811	450.148.830.543	2.960.463.015.992
Giảm trừ doanh thu	(29.506.094.889)	(144.834.264.572)	-	(174.340.359.461)
Doanh thu thuần	334.017.295.749	2.001.956.530.239	450.148.830.543	2.786.122.656.531
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	29.717.084.982	368.604.332.690	91.369.002.535	489.690.420.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	853.295.844	76.111.500.969	8.797.726.594	85.762.523.407
Lợi nhuận trong kỳ	28.863.789.138	292.492.831.721	82.571.275.941	403.927.896.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BDS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	145.573.256.525	-	2.587.875.414.562	2.733.448.671.087
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	21.341.475.970
Xây dựng cơ bản dở dang	43.504.743.854	2.009.670.933.625	3.314.755.567.317	5.367.931.244.796
Các khoản phải thu	392.007.318.628	537.468.281.832	250.488.230.772	1.179.963.831.232
Hàng tồn kho	29.817.913.150	-	18.603.939.479	48.421.852.629
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	66.081.032.968	357.032.099.108	-	423.113.132.076
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	994.606.424.813
Tổng tài sản				10.768.826.632.603
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	250.122.104.135	1.391.028.189.087	177.196.359.846	1.818.346.653.068
Phải trả tiền vay	308.046.107.935	-	5.006.606.631.802	5.314.652.739.737
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	408.440.422.978
Tổng nợ phải trả				7.541.439.815.783

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BDS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	263.007.195.942	1.355.915.378.432	576.443.384.462	2.195.365.958.836
Giảm trừ doanh thu	(11.248.426.689)	(6.462.210.826)	-	(17.710.637.515)
Doanh thu thuần	251.758.769.253	1.349.453.167.606	576.443.384.462	2.177.655.321.321
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	24.002.352.690	322.346.277.488	21.177.780.572	367.526.410.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.094.233.500	64.895.396.546	-	69.989.630.046
Lợi nhuận trong kỳ	18.908.119.190	257.450.880.942	21.177.780.572	297.536.780.704

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dưỡng